

LỜI NÓI ĐẦU

Làm thế nào để soạn nhạc trên máy tính cá nhân? Đó là vấn đề mà không ít người làm công tác giảng dạy âm nhạc trên toàn quốc quan tâm. Điều này phản ánh một xu hướng thực tế là việc đổi mới phương pháp dạy học hiện nay đang bám sát những thành tựu của ngành công nghệ thông tin.

Lợi ích của việc học cách sử dụng phần mềm chuyên ngành, sử dụng những phần mềm ứng dụng làm công cụ giảng dạy vào một số bộ môn trong trường sư phạm đã được kiểm chứng. Do đó, vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học âm nhạc ở trường Cao đẳng Sư phạm là một việc làm tất yếu, chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả cao; đồng thời góp phần giảm thiểu sự lệ thuộc vào quỹ thời gian của quá trình đào tạo hiện nay. Qua kiểm nghiệm thực tế, chúng tôi nhận thấy việc làm trên không những giúp cho giảng viên âm nhạc chủ động có được những bài soạn mang tính hiện đại mà còn tạo ra được nhiều tài liệu học tập và tham khảo đa dạng cho sinh viên một cách trực quan sinh động thông qua phương tiện là máy tính cá nhân hoặc mạng máy tính trường học. Hơn nữa, cũng phương thức này, người học có thể trao đổi tiến trình học tập của mình với giảng viên hoặc bạn học một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Trong thực tế hiện nay, chưa có một giáo trình dạy học tin học âm nhạc nào được đưa vào giảng dạy chính thức trong hệ thống các trường sư phạm. Để đáp ứng nhu cầu thực tế của Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Nai, chúng tôi biên soạn tập sách hướng dẫn sử dụng chương trình Encore, một chương trình viết nhạc và là công cụ dạy học âm nhạc rất tiện dụng.

Để độc giả có thể tiếp cận giải pháp kỹ thuật trên một cách nhanh chóng, chúng tôi trình bày bố cục tài liệu này sao cho người đọc có thể tham khảo bất kỳ chương mục nào mình quan tâm mà không cần phải theo một trình tự nhất định. Cuối cùng, chúng tôi mong nhận được những ý kiến nhận xét đóng góp của độc giả và đồng nghiệp, để tập tài liệu này ngày càng hoàn chỉnh hơn.

MỤC LỤC

1. Giới thiệu phần mềm Encore.
1.1 Giới thiệu tổng quát.
1.2 Tìm hiểu các lệnh căn bản.
1.2.1 Menu File.
1.2.2 Menu Edit.
1.2.3 Menu Notes.
1.2.4 Menu Measures.
1.2.5 Menu Score.
1.2.6 Menu View.
1.2.7 Menu Windows.
1.2.8 Menu Setup.
1.2.9 Menu Help.
1.2.10 Thanh công cụ.
2. Chép ca khúc.
2.1 Tạo mới một tập tin ca khúc.
2.2 Định dạng trang.
2.3 Chọn số chỉ nhịp.
2.4 Chọn hóa biểu.
2.5 Chép phần nhạc.
2.5.1 Dùng chuột và bàn phím.
2.5.2 Dùng đàn phím điện tử và bàn phím máy tính.
2.5.3 Dùng cách thu trực tiếp từ đàn phím điện tử.
2.5.4 Một số tình huống xử lý khi thực hành chép phần nhạc.
2.6 Chép phần lời.
2.7 Chép các ghi chú.
2.8 Dàn trang và các thao tác cần thiết khác.
3. Chép hợp xướng, tổng phổ.
3.1 Tạo một tập tin dạng hợp xướng.
3.1.1 Tập tin mẫu.
3.1.2 Tạo tập tin.
3.2 Định dạng trang.
3.3 Chọn số chỉ nhịp.
3.4 Chọn hóa biểu
3.5 Chép phần nhạc.
3.6 Chép phần lời.
3.7 Dàn trang.
3.8 Trích tổng phổ.
4. Chép nhạc độc tấu.
4.1 Tạo một tập tin dạng độc tấu.

4.2 Định dạng trang.
4.3 Chọn số chỉ nhịp.
4.4 Chọn hóa biểu.
4.5 Chép phần nhạc.
4.6 Một số thao tác cho những hình nốt phức tạp.
4.6.1 Nốt hoa mỹ.
4.6.2 Dấu nối trường độ đặc biệt.
4.6.3 Đánh dấu liên.
4.6.4 Dấu octave.
4.6.5 Sử dụng các hình nốt đặc biệt.
4.6.6 Cách thể hiện nốt trong khuôn nhạc dành cho đàn guitar.
4.6.7 Đuôi nốt thể hiện bè trong độc tấu piano.
4.7 Dàn trang.
5. Chép nhạc hòa tấu.
5.1 Tạo tập tin dạng hòa tấu.
5.2 Định dạng trang.
5.3 Chọn số chỉ nhịp.
5.4 Chọn hóa biểu.
5.5 Chép phần nhạc.
5.6 Một số thao tác phối khí.
5.7 Dàn trang.
6. Tạo tập tin MIDI từ phần mềm Encore.
7. Soạn đề thi với văn bản âm nhạc.
7.1 Một số vấn đề đặt ra khi soạn đề thi âm nhạc trên máy tính.
7.2 Một số giải pháp khắc phục.
7.2.1 Giải pháp soạn đề thi trên phần mềm Encore.
7.2.2 Giải pháp soạn đề thi kết hợp giữa phần mềm Microsoft Word và Encore.

Phu lục: Hướng dẫn cài đặt phần mềm Encore 4.

1) Giới thiệu phần mềm Encore

1.1 Giới thiệu tổng quát

Phần mềm Encore được biết đến như là một phần mềm chép nhạc rất phổ biến ở Việt Nam từ những năm 90 của thế kỷ trước, trải qua quá trình phát triển, hiện thời đã có phiên bản Encore 4.5.5. Cho đến nay, tuy có rất nhiều phần mềm xử lý và chép nhạc với những tính năng đa dạng hơn, nhưng nhiều người vẫn thường sử dụng phần mềm này do đặc tính dễ dùng. Hơn nữa, người ta có thể sử dụng một số tính năng cao cấp của chúng để dạy và học nhạc một cách hiệu quả, đặc biệt có thể trao đổi trên mạng ở địa chỉ <http://www.gvox.com/> như một website học tập mang tính cộng đồng rất cao.

Các ứng dụng cơ bản của phần mềm Encore:

- Chép nhạc: Phần mềm Encore với chức năng chính là chép nhạc, chương trình này đặc biệt hữu dụng cho việc chép ca khúc, các thao tác hết sức đơn giản và giao diện thân thiện. Người dùng có thể nhập liệu bằng chuột, bàn phím máy tính hoặc bằng các thiết bị MIDI (Music Instrument Digital Interface).

- Xử lý, thu âm theo định dạng MIDI: Đây là một tính năng không chuyên của chương trình Encore. Tuy nhiên, người dùng cũng có thể dùng để phối âm phối khí một cách đơn giản. Chương trình có thể chuyển đổi định dạng tập tin MIDI (.mid) thành tập tin văn bản (.enc) hoặc ngược lại.

- Trao đổi bài học trên mạng máy tính: Với trang web của chương trình, hãng GVOX cho phép người dạy, người học đăng ký một địa chỉ (account) để có thể trao đổi bài học trên mạng một cách dễ dàng, thuận tiện và hiệu quả. Đôi khi, người ta cũng có thể trao đổi bằng các phương tiện lưu trữ thông thường như đĩa mềm, đĩa CDR hoặc Flash disk,...

1.2 Tìm hiểu các lệnh căn bản

1.2.1 Menu File

- File – New: (phím tắt là Ctrl+N): lệnh để tạo một tập tin mới. Khi lệnh được kích hoạt, một hộp thoại tùy chọn như sau sẽ xuất hiện:

+ Staves per system: số khuông nhạc trong một hệ thống khuông.

+ Systems per page: hệ thống khuông trong một trang.

+ Measures per system: số ô nhịp trong một hệ thống khuông.

+ Staff Format: Định dạng kiểu khuông nhạc.

+ Template: Mẫu định dạng tập tin đã được lưu sẵn vào thư mục của chương trình Encore.

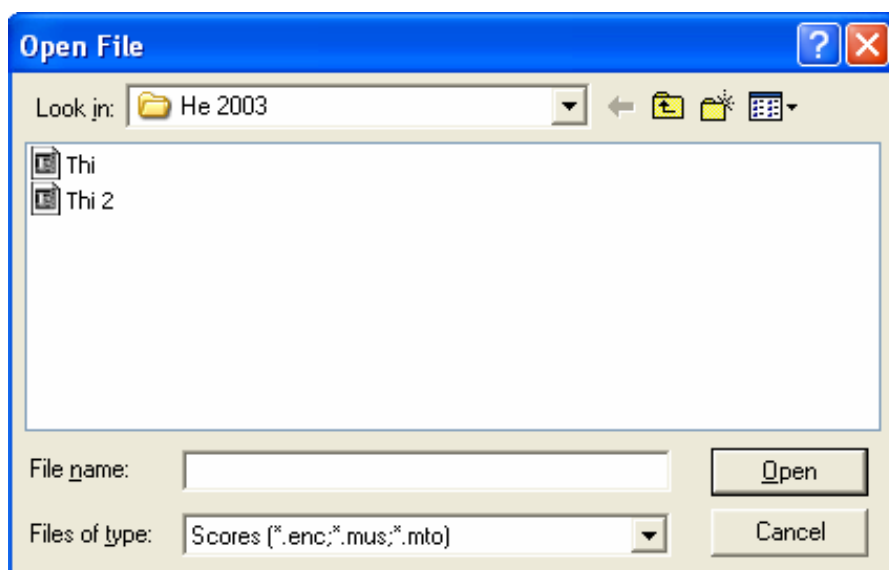
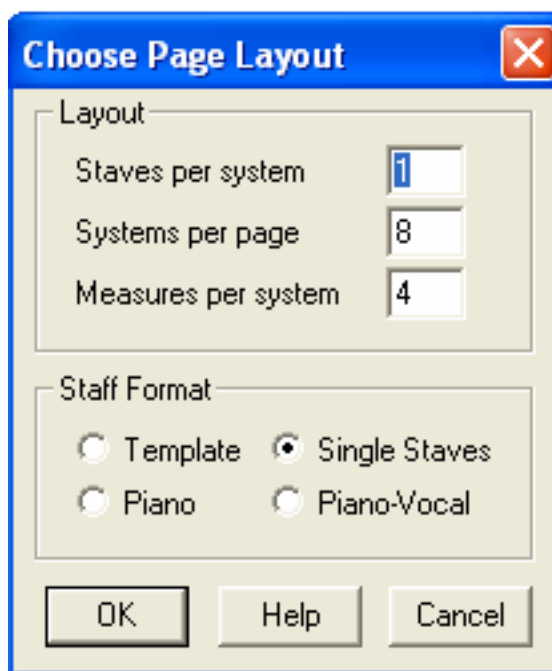
(Thông thường tập tin mẫu có tên “Template.enc” được đặt trong thư mục C:\ProgramFiles\Encore).

+ Piano: Kiểu khuông nhạc dành cho piano.

+ Single Staves: Kiểu khuông nhạc dành cho ca khúc hoặc tổng phổ.

+ Piano-Vocal: Kiểu khuông nhạc dành cho đàn piano và giọng hát.

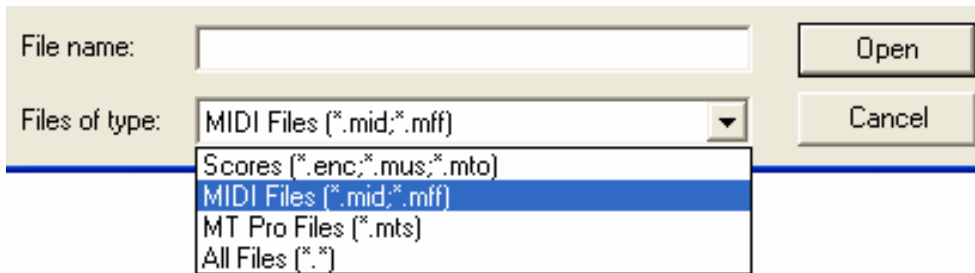
- File – Open (Ctrl+O): mở tập tin đã lưu.



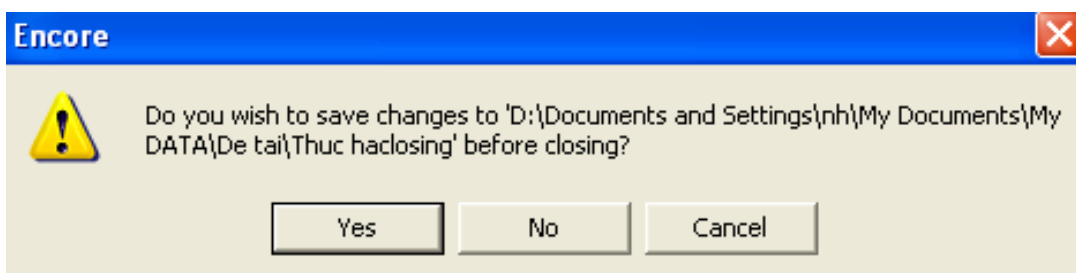
+ Look in:
Dò tìm các tập tin đã được lưu sẵn trong đĩa cứng, đĩa mềm, CDROM,...

+ Files of types: (Kiểu định dạng tập tin) Phần mềm Encore có thể hiểu được nhiều định dạng file như: “.enc”, “.mus”, “.mid”,...

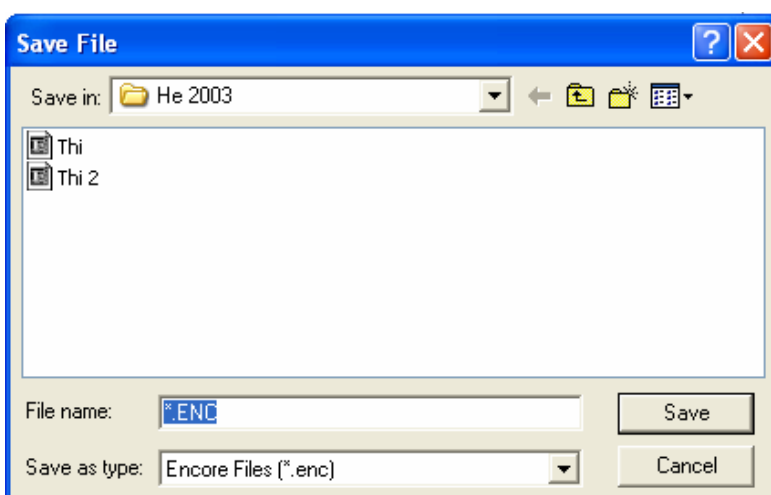
* **Mở tập tin theo định dạng MIDI:** click chuột vào biểu tượng mũi tên trong hộp “Files of type”, chọn định dạng “MIDI files”. Lúc này các tập tin theo định dạng MIDI (*.mid) sẽ xuất hiện trong hộp thoại nếu như chúng có trong thư mục hiện hành trên hộp “Look in”.



- File – Close (Ctrl+W): đóng lại tập tin hiện hành. (Nếu chưa lưu tập tin, một hộp thoại như dưới đây sẽ xuất hiện. Lưu: click nút “Yes”. Không lưu: click nút “No”. Hủy bỏ lệnh: click nút “Cancel”.)



- File – Save (Ctrl+S): lưu tập tin hiện hành (Tập tin đang được xử lý).



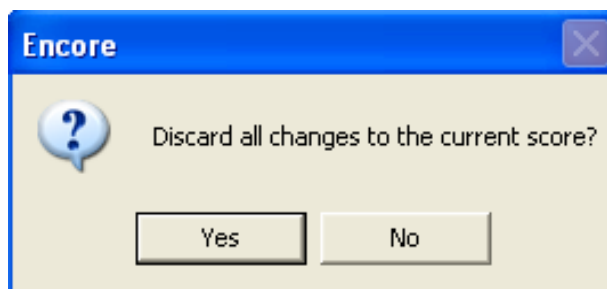
+ Save in: Chọn nơi để lưu.

+ File name: Gõ tên tập tin.

+ Save as type: Dạng tập tin cần lưu.

- File – Save as: Lưu tập tin hiện hành bằng tên khác, nơi khác, hoặc ở một định dạng khác. (Hộp thoại xuất hiện tương tự như hộp thoại “Save File”.)

- File – Revert to saved: (Ctrl+R): phục hồi tập tin hiện hành về tình trạng đã lưu trước đó, bỏ đi những thay đổi sau khi lưu. Lệnh này không thể phục hồi (Không thể “Undo”). Click “Yes” để thực thi lệnh.



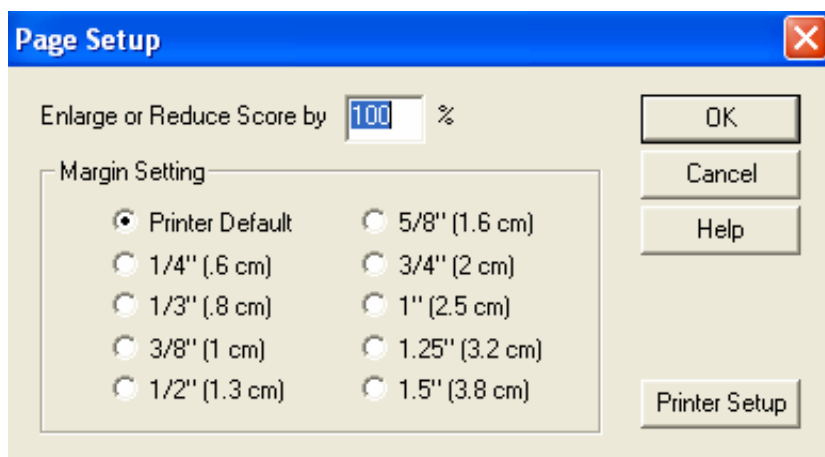
- File – Extract Part: lệnh để trích tổng phổ. (xem mục chép nhạc cho hợp xướng và tổng phổ).

- File – Page Setup...: lệnh định dạng trang

+ Enlarge or Reduce Score by.....%: tỉ lệ phóng to hoặc thu nhỏ trang.

+ Margin Setting: đặt lề trang, lựa chọn trong những thông số mặc định của chương trình.

+ Printer Setup: Cài đặt cho máy in.



- File – Print... (Ctrl+P): Lệnh để in.

- File – Export to EPS: Xuất tập tin “.enc” thành tập tin ảnh “.eps”.

- File – Exit: Lệnh thoát khỏi chương trình.

1.2.2 Menu Edit

- Edit – Undo: (Ctrl+Z): Huỷ bỏ tác vụ vừa thực hiện, phần mềm này chỉ huỷ bỏ được một lệnh vừa thực hiện trước đó. (Có những lệnh đặc biệt của chương trình không thể huỷ bỏ được).

- Edit – Cut (Ctrl+X): Cắt một khối dữ liệu.

- Edit – Copy (Ctrl+C): Sao chép một khối dữ liệu.

- Edit – Paste (Ctrl+V): Dán dữ liệu đã “cut” hoặc “copy” vào một nơi nào đó của bản nhạc đang được xử lý. (Sau khi “cut” hoặc “copy”, click chuột vào ô nhịp định dán để thực hiện lệnh này).

- Edit – Clear (Delete): Xóa khối dữ liệu.
- Edit – Select All (Ctrl+A): Chọn tất cả dữ liệu trong bản nhạc.
- Edit – Nudge Left (Ctrl+[): Chuyển khối dữ liệu về bên trái.
- Edit – Nudge Right (Ctrl+]): Chuyển khối dữ liệu về bên phải.
- Edit – Nudge Up (Ctrl+=): Chuyển khối dữ liệu lên trên (nốt được dịch chuyển lên nửa cung sau mỗi lần thực hiện).
- Edit – Nudge Down (Ctrl+-): chuyển khối dữ liệu xuống dưới (nốt được dịch chuyển xuống nửa cung sau mỗi lần thực hiện).

*** Ghi chú cách chọn dữ liệu (đánh khối dữ liệu):**

+ Chọn nốt: giữ phím Shift, click chuột vào nốt nhạc (vẫn giữ Shift để chọn các nốt tiếp theo).

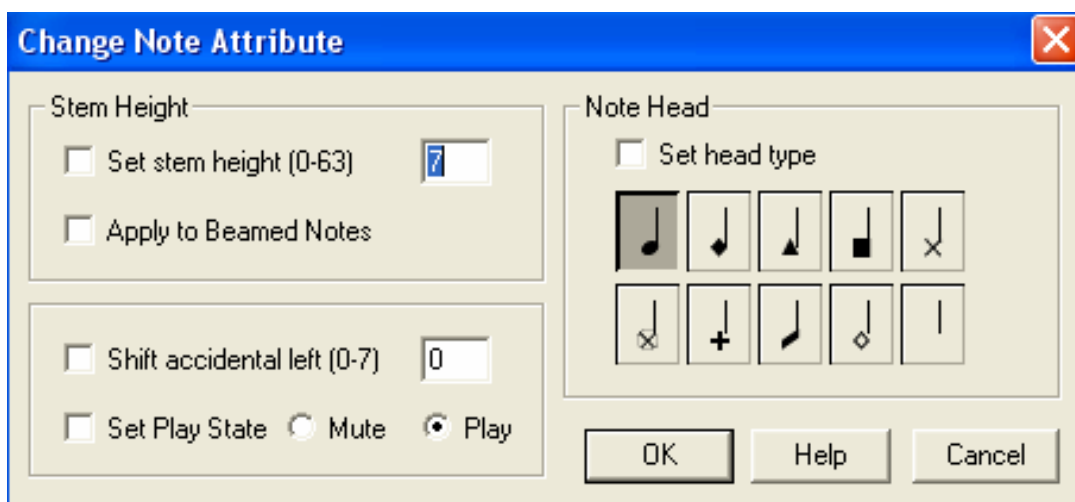
+ Chọn ô nhịp: click đúp chuột vào khoảng trống của ô nhịp (vẫn giữ Shift để chọn các ô nhịp tiếp theo).

+ Chọn khuông nhạc: di chuyển chuột về bên trái khuông nhạc rồi click chuột (vẫn giữ Shift để chọn các khuông nhạc tiếp theo).

+ Chọn khối dữ liệu: giữ trái chuột, rê chuột vào khối dữ liệu.

1.2.3 Menu Notes: Trước khi thực hiện các lệnh này cần đánh khối nốt

- Notes – Attributes: Các thuộc tính của nốt nhạc
- Notes – Attributes – Notes (Ctrl+I): thay đổi thuộc tính của nốt nhạc



+ Set stem height: xác lập giá trị độ cao của đuôi nốt (có giá trị từ 0 đến 63)

+ Apply to Beamed Notes: giá trị độ cao của đuôi nốt có tác dụng cả với nốt có dấu nối trường độ.

+ Shift accidental left: xác lập khoảng cách của dấu hóa bất thường trước nốt nhạc (giá trị từ 0 đến 7).

+ Set Play State: xác lập việc phát ra âm thanh của nốt (Mute: lặng, Play: phát)

+ Note Head: chọn kiểu nốt

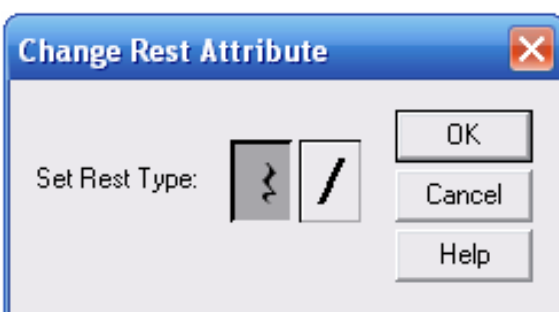
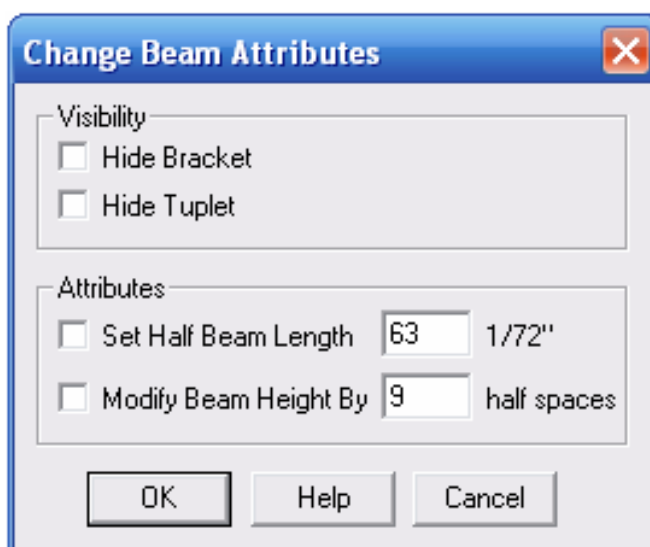
- Notes – Attributes – Beams : Thay đổi thuộc tính của dấu nối trường độ.

+ Hide Bracket: Không hiển thị ngoặc của dấu liên kết trường độ.

+ Hide Tuplet: Không hiển thị số của dấu liên kết trường độ.

+ Set Half Beam Length: Độ dài của dấu nối trường độ thứ hai (Ví dụ : móc đơn chấm đi liền móc kép viết theo kiểu nối trường độ, thuộc tính này sẽ thay đổi độ dài của gạch trường độ nốt móc kép).

+ Modify Beam Height By... : Thay đổi chiều dài của đuôi nốt viết kiểu nối trường độ.



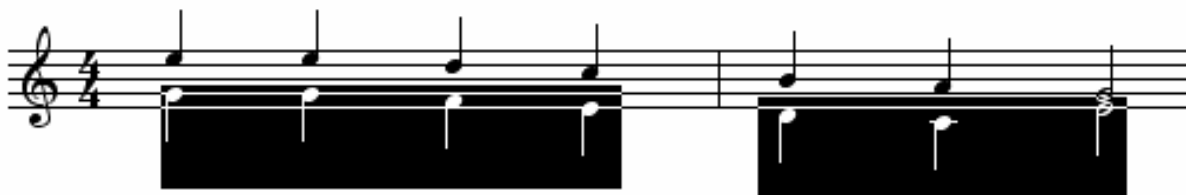
- Notes – Attributes – Rests : Thay đổi thuộc tính của dấu lặng. Thay các kí hiệu dấu lặng thông thường bằng cách viết dấu lặng theo kiểu gạch chéo.

- Notes – Voice: Trong một khuôn nhạc, chương trình có thể viết được nhiều bè (voice). Lệnh này sẽ đặt nốt nhạc cụ thể (nốt được chọn) vào bè theo ý muốn của người dùng.

- Notes – Voice – Set to Voice 1 (Ctrl+1): Đặt nốt được chọn vào bè 1.
- Notes – Voice – Set to Voice 2 (Ctrl+2): Đặt nốt được chọn vào bè 2.

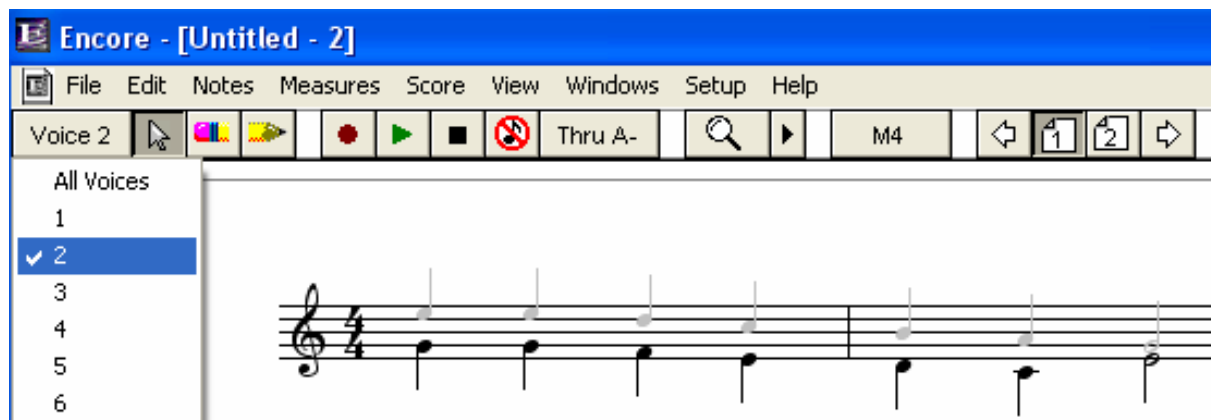
- Notes – Voice – Set to Voice 3 (Ctrl+3): Đặt nốt được chọn vào bè 3.
- Notes – Voice – Set to Voice 4 (Ctrl+4): Đặt nốt được chọn vào bè 4.
- Notes – Voice – Set to Voice 5 (Ctrl+5): Đặt nốt được chọn vào bè 5.
- Notes – Voice – Set to Voice 6 (Ctrl+6): Đặt nốt được chọn vào bè 6.
- Notes – Voice – Set to Voice 7 (Ctrl+7): Đặt nốt được chọn vào bè 7.
- Notes – Voice – Set to Voice 8 (Ctrl+8): Đặt nốt được chọn vào bè 8.

Ví dụ: Chọn khối bè dưới rồi bấm Ctrl+2, bè dưới sẽ được chuyển đổi thành voice 2.



Lệnh này liên quan đến thanh công cụ “voice”. Khi click thanh công cụ này, chỉ voice được chọn mới hiển thị rõ ràng.

Ví dụ : click voice 2, các nốt ở voice khác sẽ mờ đi.



- Notes – Accidentals to: lệnh liên quan đến dấu âm (nốt cùng cao độ nhưng khác tên).

- Notes – Accidentals to – Enharmonics (Ctrl+E): Thay đổi một nốt thành dấu âm của nó.

Ví dụ: chọn nốt sol



và bấm Ctrl+E , nốt g đổi thành nốt fisis



- Notes – Accidentals to – Sharps: Đưa nốt có dấu hoá bất thường về nốt đẳng âm có dấu thăng.

- Notes – Accidentals to – Flats: Đưa nốt có dấu hoá bất thường về nốt đẳng âm có dấu giáng.

- Notes – Stems: Lệnh liên quan đến đuôi nốt

- Notes – Stems – Stems up (Ctrl+U): Lệnh quay đuôi nốt lên.

- Notes – Stems – Stems up (Ctrl+D): Lệnh quay đuôi nốt xuống.

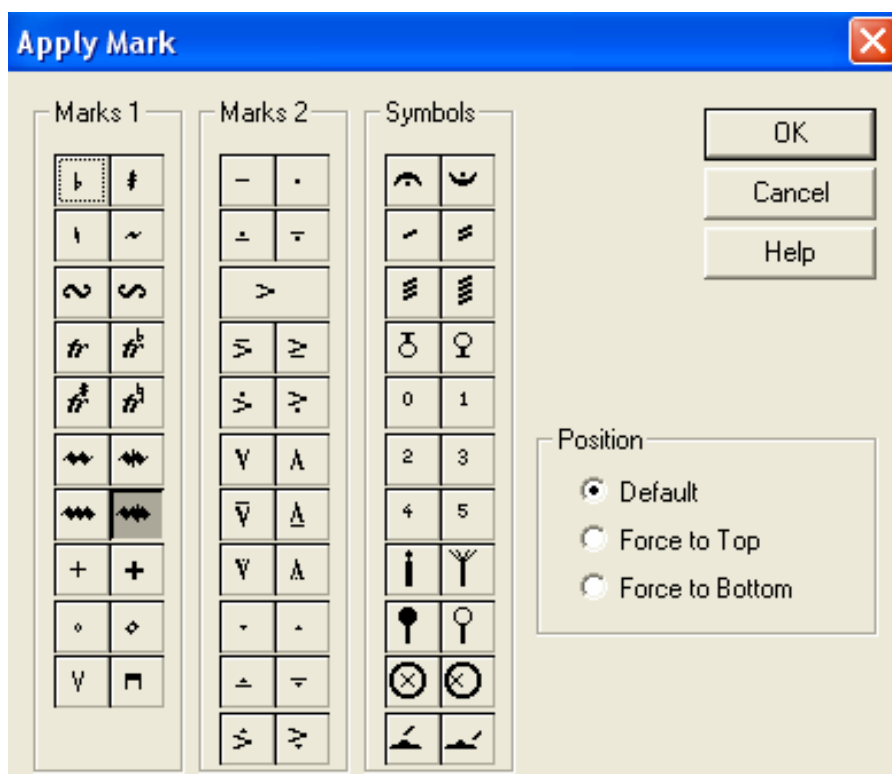
- Notes – Stems – Normalize: Lệnh quay đuôi nốt về vị trí mặc định.

- Notes – Marks: Lệnh này để thêm hoặc huỷ bỏ các dấu hiệu vào nốt

- Notes – Marks – Add...: Lệnh thêm ký hiệu đặc biệt vào nốt.

+ Mark1, mark2, Symbols: các kiểu ký hiệu tùy chọn.

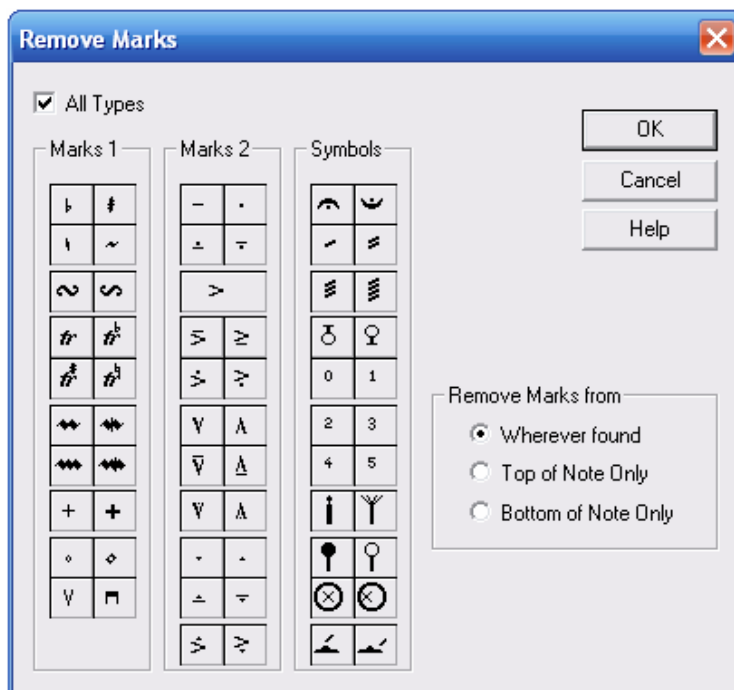
+ Position: vị trí tùy chọn của ký hiệu đặc biệt trên nốt. “*Default*”: vị trí mặc định của chương trình. “*Force to Top*”: vị trí phía trên hình nốt. “*Force to Bottom*”: vị trí phía dưới hình nốt.



- Notes – Marks – Remove...: Lệnh hủy ký hiệu đặc biệt của nốt.

+ All types: chương trình sẽ hủy bỏ mọi ký hiệu đã có trước đó của một hay nhiều nốt đã chọn.

+ Remove Marks from: Hủy bỏ dấu hiệu của: *Wherever found* (bất cứ dấu hiệu nào); *Top of Note Only* (những dấu ở trên nốt); *Bottom of Note Only* (những dấu ở dưới nốt).



- Notes – Tie notes (Ctrl+T): lệnh tạo dấu nối giữa hai hay nhiều nốt có cùng cao độ.



- Notes – Slur notes (Ctrl+L): lệnh tạo dấu lướt giữa hai hay nhiều nốt khác cao độ.

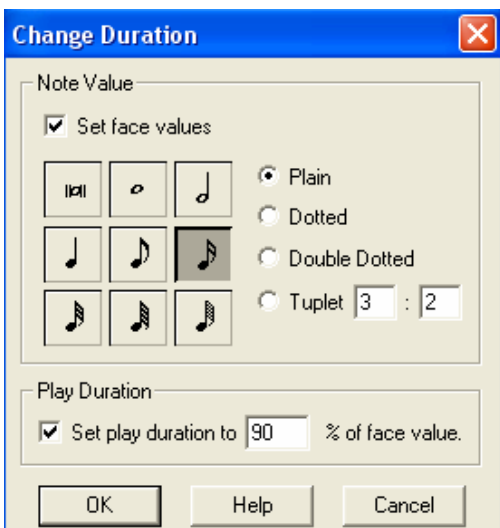
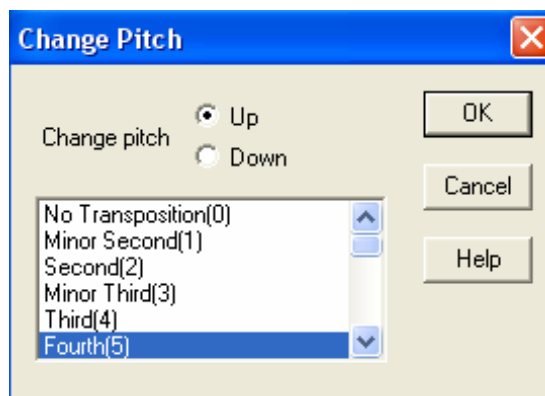


- Notes – Beams: Các lệnh liên quan đến gạch nối trường độ:

- Notes – Beams – Beam Group (Ctrl+M): Gạch nối trường độ của tất cả các nốt đã được đánh khối chung với nhau bất kể nó ở phách nào.
- Notes – Beams – Beam on Beat (Phím tắt: Ctrl+B): Gạch nối trường độ của tất cả các nốt đã được đánh khối, bất kể các nốt đứng ở vị trí phách nào trong khuôn nhạc.
- Notes – Beams – Sub Group: Tạo những nhóm trường độ phụ sau khi đã sử dụng lệnh Ctrl+B.
- Notes – Beams – Flatten Beams : Lệnh tạo dấu nối trường độ nằm ngang.

- Notes – Change Pitch: Lệnh thay đổi cao độ của một hay nhiều nốt.

- + Change Pitch – up: Nâng lên.
- + Change Pitch – Down: Hạ xuống.
- + No Transposition(0): Không dịch chuyển
- + Minor Second(1): quãng hai thứ.
- + Second(2): quãng hai trưởng.
- + Minor Third(3): quãng ba thứ.
- + Third(4): quãng ba trưởng.
- + Fourth(5): quãng bốn đúng...



- Notes – Change Duration: thay đổi độ ngân của nốt, thay đổi trường độ của hình nốt.

+ “Set face values”: xác lập giá trị hình nốt.

+ Set play duration to.....% of face value: xác lập giá trị độ ngân thực tế khi nghe.

+ Plain: nốt thường.

+ Dotted: Nốt chấm dôi.

+ Double Dotted: Nốt hai chấm dôi.

+ Tuplet 3:2 nốt trong liên ba(ba nốt, tính giá trị trường độ là hai nốt). Đặt giá trị 5:4 (liên 5 nốt, tính giá trị trường độ là bốn nốt)...

- Notes – Change Velocity: thay đổi cường độ của nốt.

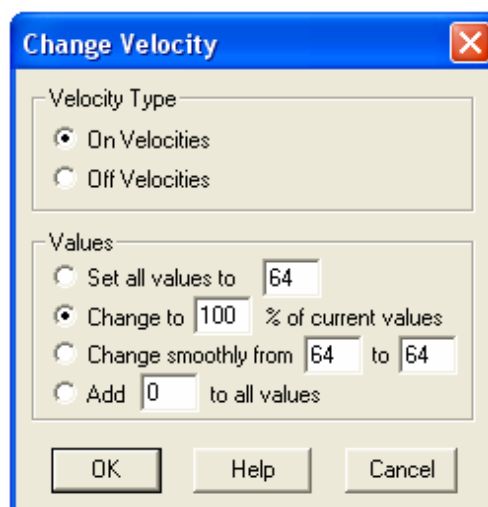
+ Velocity Type: On hoặc off : tùy chọn phát tín hiệu MIDI theo giá trị cường độ đã đặt.

+ Set all values to...: đặt giá trị cường độ của nốt (từ 1 đến 127).

+ Change to ...% of current values: thay đổi tỷ lệ cường độ của nốt hay nhóm nốt.

+ Change smoothly from...to...: Thay đổi sắc thái to dần hoặc nhỏ dần theo thông số đã định.

+ Add... to all values: Thêm giá trị cường độ cho nốt.



- Notes – Make chord: Lệnh tạo hợp âm cho những hình nốt giống nhau trong một ô nhịp



- Notes – Make Tab...: Chuyển nốt ở một khuôn nhạc được chọn sang cách viết cho đàn guitar, lệnh này chỉ có tác dụng khi đã có sẵn một khuôn nhạc viết cho guitar (Tham khảo lệnh “Score – Add Staff”)

- Notes – Make Grace/Cue...: Viết nốt hoa mỹ. Ví dụ: muốn viết nốt hoa mỹ như ở đầu ô nhịp sau:



viết như hình minh họa, chọn nốt sol:



kích hoạt lệnh theo các thông số như hình dưới đây:

+ Cue Note: Nốt nhắc nhở, không có tác dụng để phát tín hiệu MIDI.

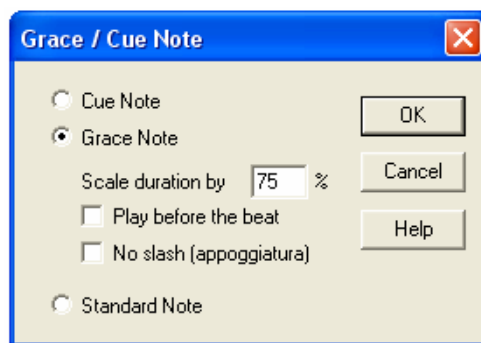
+ Grace Note: Nốt hoa mỹ, có các tùy chọn:

+ Scale duration by%: mức ngân vang.

+ Play before the beat: phát âm trước nốt.

+ No slash...: không gạch chéo trên đuôi nốt.

+ Standard Note: Nốt bình thường (tác dụng khi muốn chuyển từ nốt hoa mỹ về nốt bình thường).



- Notes – Revert to Raw: lệnh xóa các đuôi nốt và dấu hiệu đặc biệt trên nốt.

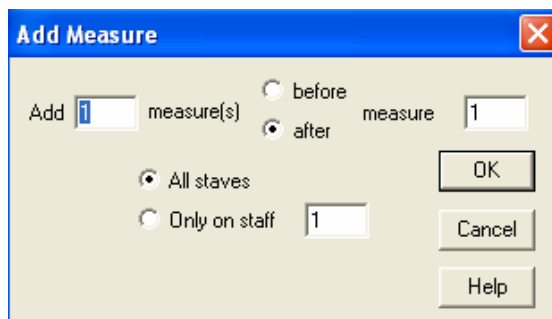
- Notes – Guess Duration (Ctrl+G): lệnh điều chỉnh nốt đúng như chương trình đã phát ra ở tín hiệu MIDI.

1.2.4 Menu Measures: Các lệnh liên quan đến ô nhịp

- Measures - Add Measure...(Alt + M + A): lệnh thêm ô nhịp.

+ Add (thêm).....measure(s) (một hay nhiều ô nhịp tùy chọn), before (trước) hoặc after (sau) measure (ô nhịp) thứ(điền vào ô tùy chọn)

+ “All staves”: có tác dụng trên tất cả các khuông nhạc; hoặc + “Only on staff...”: chỉ có tác dụng trên khuông nhạc theo ô tùy chọn.



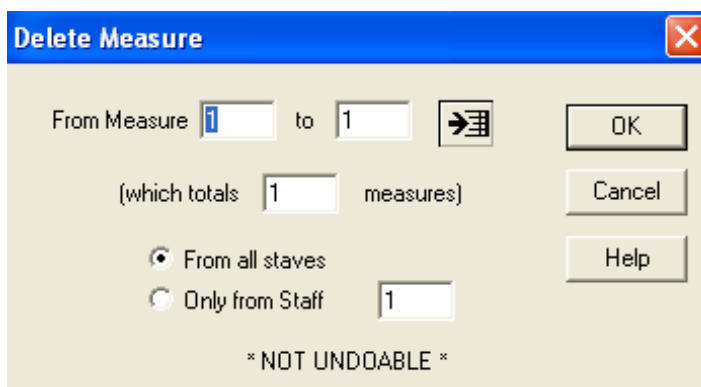
- Measures - Delete Measure... (Alt + M + D): Xóa ô nhịp

+ From Measure... to...: từ nhịp... đến nhịp... (điền vào ô tùy chọn). Nút mũi tên: Chọn nút này khi muốn xóa đến ô nhịp cuối cùng.

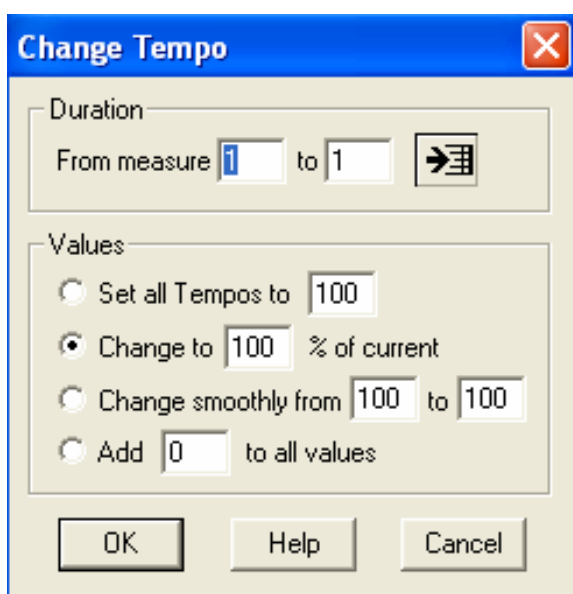
+ (Which totals... measures): tổng số nhịp đã chọn để xóa.

+ From all staff: xóa trên tất cả các khuông nhạc

+ Only from Staff...: Chỉ trên khuông nhạc trong ô tùy chọn.



- Measures - Tempo... (Alt + M + T): lệnh thay đổi tốc độ, nhịp độ.



+ From measure... to...: thay đổi từ nhịp... đến nhịp... (điền vào ô tùy chọn).

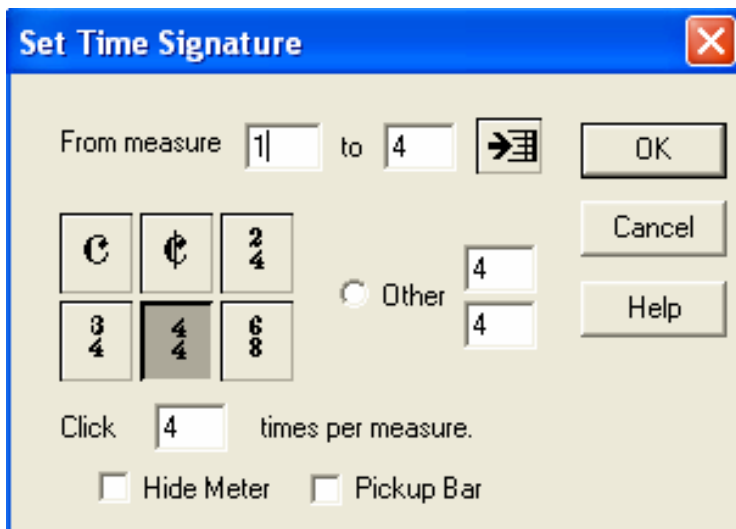
+ Set all Tempos to...: Thay đổi tất cả (ghi số chỉ tempo vào ô tùy chọn).

+ Change to... % of current: Thay đổi theo tỷ lệ tốc độ hiện có.

+ Change smoothly from... to...: Thay đổi tốc độ nhanh dần hoặc chậm dần (theo chỉ số ghi trong hai ô tùy chọn).

+ Add... to all values: thêm chỉ số vào tất cả các chỉ số tốc độ liên quan hiện có.

- Measures - Time Signature... (Alt + M + M): lệnh chọn loại nhịp.



Chọn loại nhịp có trong bảng; hoặc “Other” (các loại nhịp khác).

+ From measure... to...: đặt nhịp từ nhịp... đến nhịp... (lựa chọn các ô nhịp để thay đổi)

+ Hide Meter: ẩn kí hiệu nhịp trên khuôn nhạc

+ Pickup Bar: nhịp lấy đà ở giữa đoạn. Ví dụ bài nhịp C nhưng chỉ muốn đánh nhịp 3/4 thì chọn nhịp 3/4 và

chọn dấu “Pickup Bar”(ít khi sử dụng).

- Measures - Key Signature... (Alt + M + K): Đặt hoá biểu

Chọn giọng bằng thanh cuốn bên cạnh khuôn nhạc trong hộp thoại.

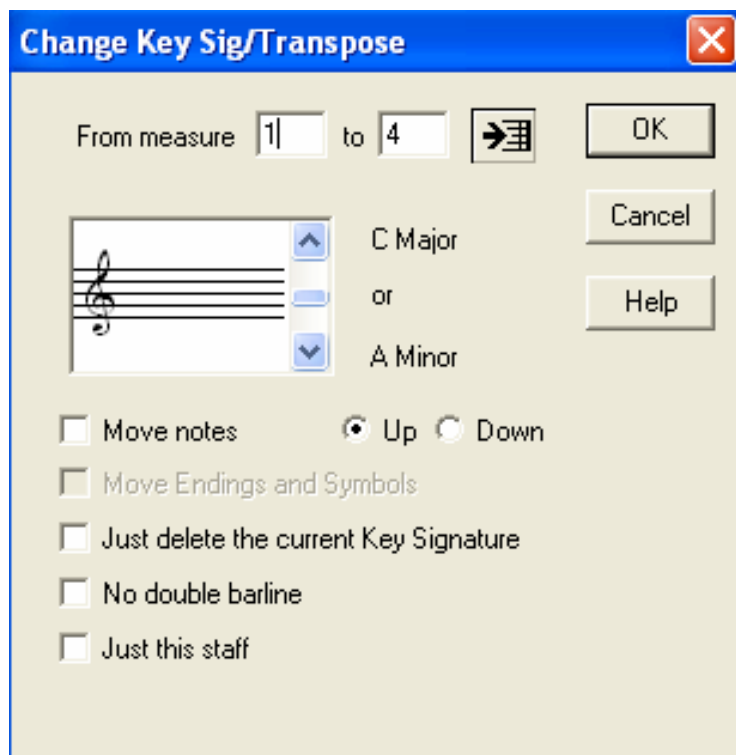
+ From measure... to...: đặt hoá biểu từ nhịp... đến nhịp... Chọn đến hết bài, click nút mũi tên.

+ Move notes: Di chuyển nốt lên (up) hoặc xuống (Down).

+ Just delete the current Key Signature: Chỉ xoá hoá biểu hiện có.

+ No double barline: Không có vạch nhịp kép.

+ Just this staff: Chỉ thay đổi hoá biểu của khuôn nhạc hiện hành.



- Measures - Barline Types... (Alt + M + B): Các kiểu gạch nhịp.

+ Apply to Range of Measures From... to...: kiểu vạch nhịp có tác dụng đối với các ô nhịp trong khoảng được chọn.

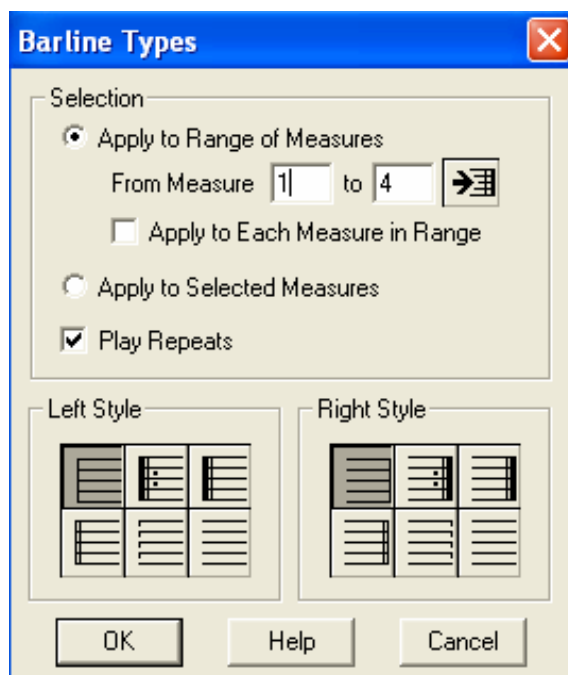
+ Apply to Each Measures: kiểu vạch nhịp có tác dụng trong mỗi ô nhịp được chọn.

+ Apply to Selected Measures: kiểu vạch nhịp có tác dụng trong khoảng ô nhịp đã được đánh khối trước.

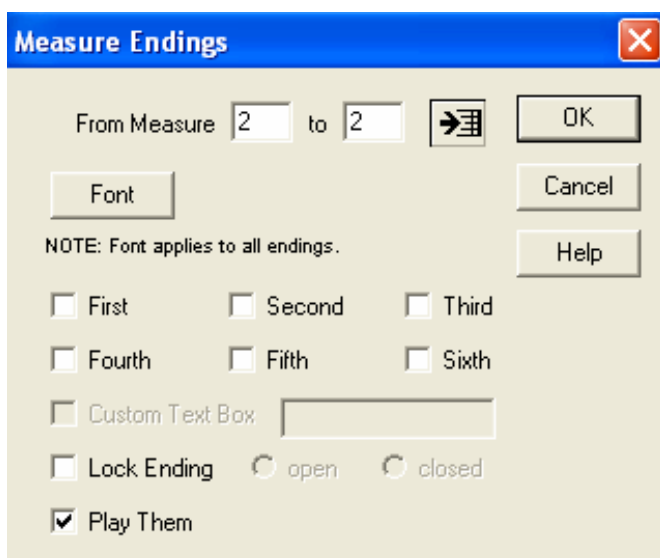
+ Play repeats: lập lại khi phát tín hiệu MIDI.

+ Left Style: Kiểu vạch nhịp bên trái ô nhịp.

+ Right Style: Kiểu vạch nhịp bên phải ô nhịp.



- Measures - Ending... (Alt + M + E): ghi khung thay đổi.



+ Font: Chọn font chữ.

+ From measure... to...: Chọn khoảng ô nhịp có tác dụng bởi khung thay đổi.

+ First: Ghi khung thay đổi số 1.

+ Second: Ghi khung thay đổi số 2.

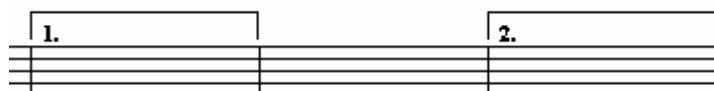
+ Third: Ghi khung thay đổi số 3.

+ Fourth: Ghi khung thay đổi số 4.

+ Fifth: Ghi khung thay đổi số 5.

+ Sixth: Ghi khung thay đổi số 6.

+ Lock Ending: kiểu hiển thị của khung thay đổi (1 “closed”, 2 “open”).



+ Play Them: dấu thay đổi có tác dụng khi phát tín hiệu MIDI.

- Measures - Coda Phrases... (Alt + M + C): Ghi các ký hiệu liên quan đến các phần trong âm nhạc, trên thanh "Pallette" cũng có những ký hiệu tương tự nhưng không tác dụng trong khi phát tín hiệu MIDI.

+ D.C.: trở về đầu bài.

+ D.C. al Coda: trở về đầu bài và phát đến Coda.

+ D.C. al Fine: trở về đầu bài và phát đến Fine.

+ Coda: dấu coda.

+ To Coda: To Coda.

+ D.S. : Trở về dấu Segno.

+ D.S. al Coda: trở về dấu Segno và phát tới Coda.

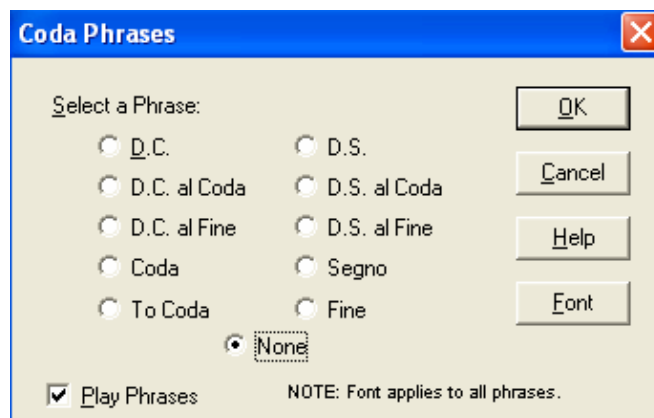
+ D.S. al Fine: trở về dấu Segno và phát tới Fine.

+ Segno : Dấu Segno &

+ Fine: Dấu hết bài.

+ None: hủy bỏ những lệnh trên.

+ Play Phrase: Tác dụng của dấu được chọn đối với lệnh phát tín hiệu MIDI.



- Measures - Measure Number...

(Alt + M + N): ghi số thứ tự của nhịp.

+ Add Numbers Every... measure(s): ghi số theo chu kỳ tùy chọn.

+ Add Numbers Each system: ghi số đầu mỗi khuôn nhạc.

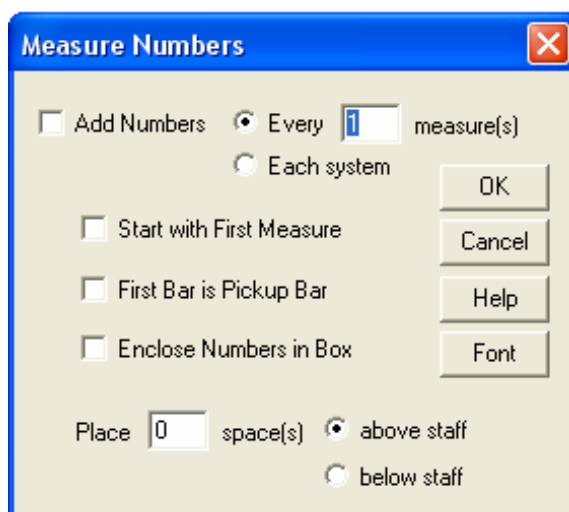
+ Start with First Measure: ghi số bắt đầu ở ô nhịp đầu tiên.

+ First Bar is Pickup Bar: ghi số từ ô nhịp thứ hai.

+ Enclose Number in Box: Đóng khung số được ghi.

+ Place... space(s) above staff: quy định khoảng cách số được ghi bên trên so với khuôn nhạc.

+ Place... space(s) below staff: quy định khoảng cách số được ghi bên dưới so với khuôn nhạc.



- Measures - Compressed Rest... (Alt + M + R): Dấu lặng nhiều ô nhịp (tiện dụng khi viết phân phổ).

+ Make compressed rest of 1 measure(s): ghi dấu lặng cho một nhịp, nếu ghi cho nhiều nhịp thì phải chọn nhiều ô nhịp trước khi dùng lệnh.

+ Compressed Rest fills... % of measure: quy định khoảng vạch dài của dấu lặng.

+ Play them: Kích hoạt tác dụng của dấu lặng nhiều nhịp khi phát MIDI.

+ Font: Chọn font hiển thị.

- Measures - Align playback (Alt + M + L): Hủy tác dụng của lệnh Swing playback.

- Measures - Swing playback... (Alt + M + W): Kiểu nhạc swing (giật).

+ Amount of Swing:...%: tỷ lệ phần trăm của nốt được swing (Ví dụ: chọn tỷ lệ 75% cho nốt "Eight", hai móc đơn sẽ được diễn tấu thành móc giật).

+ Note Type to Swing: quy định hình nốt chịu tác dụng của lệnh swing: Whole (nốt tròn), Half (nốt trắng), Quarter (nốt đen), Eighth (nốt móc đơn), 16th (nốt móc kép), 32nd (nốt móc ba).

- Measures - Align Spacing... (Ctrl + J): Điều chỉnh vị trí các nốt trên khuôn nhạc.

+ Engraver's Spacing: Sắp xếp cho hài hoà các nốt nhạc.

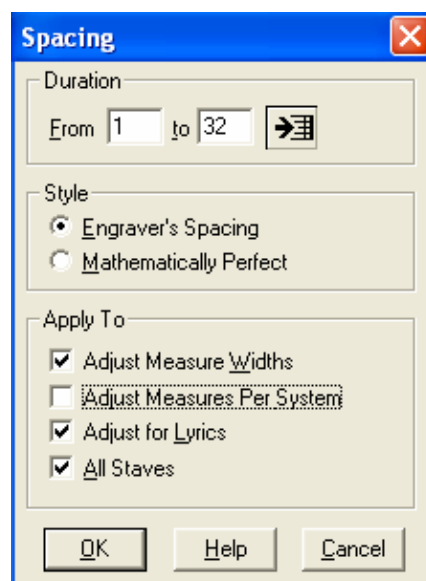
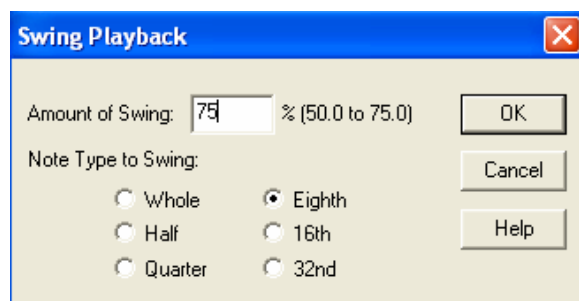
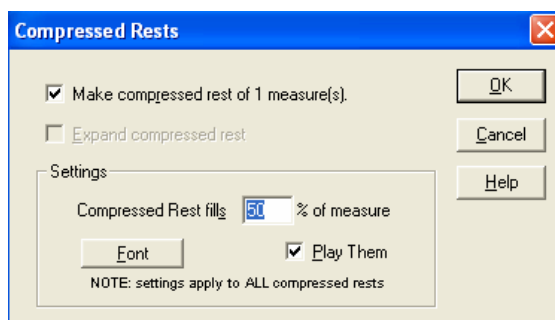
+ Mathematically Perfect: Sắp xếp lại theo trường độ nốt nhạc.

+ Adjust Measure Widths: Điều chỉnh lại cho vừa với độ rộng của ô nhịp.

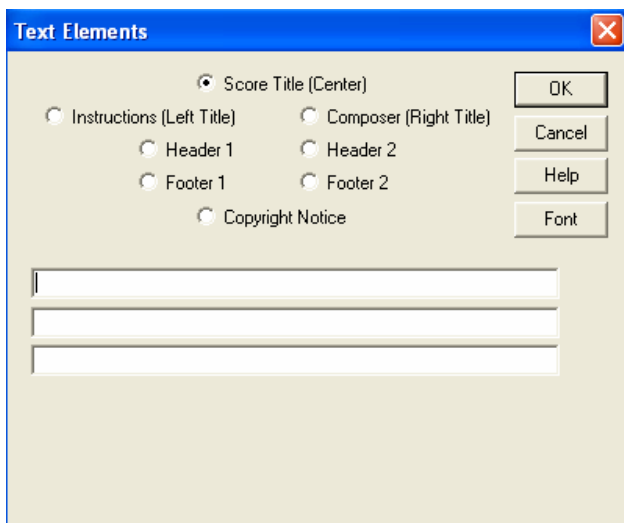
+ Adjust Measure Per System: Điều chỉnh ô nhịp cho mỗi hệ thống khuôn nhạc.

+ Adjust for Lyrics: Điều chỉnh phần lời ca của ca khúc.

+ All Staves: Điều chỉnh cho tất cả các khuôn có trong hệ thống khuôn nhạc.



1.2.5 Menu Score: Các lệnh liên quan đến trình bày bản nhạc.



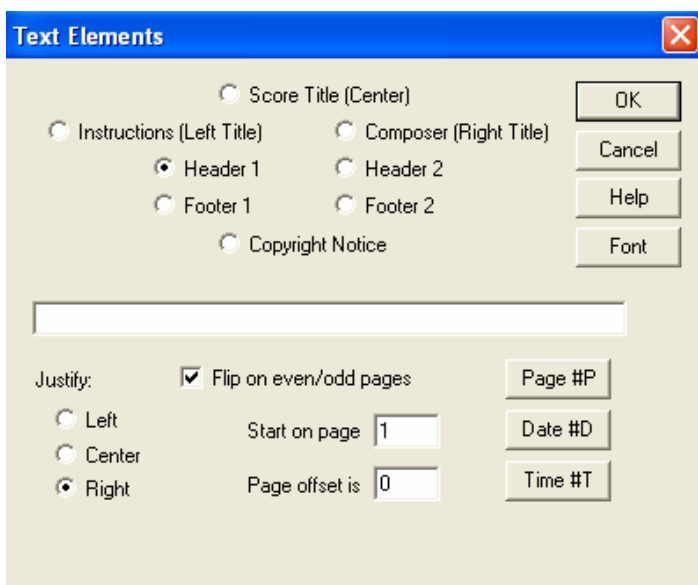
- Score - Text Elements: ghi các chú thích cơ bản của bản nhạc

+ Score Title (Center): Tựa đề, sẽ xuất hiện ở chính giữa trang đầu bản nhạc.

+ Instructions (Left Title): Các chú thích về nhịp độ sắc thái, sẽ xuất hiện ở bên trái trang đầu bản nhạc.

+ Composer (Right Title): Ghi chú về tác giả, sẽ xuất hiện ở bên phải trang đầu bản nhạc.

+ Header 1; header 2: Ghi chú đầu trang nhạc.



Left: ghi chú bên trái.

Center: ghi chú ở giữa.

Right: ghi chú bên phải.

+ Flip on even/odd pages: hiển thị trang chẵn lẻ, tiện dụng cho việc đóng sách.

+ Start on page...: bắt đầu ghi số từ trang...

+ Page offset is...: tùy chọn hiển thị từ trang đầu.

+ Page #P: đặt số trang.

+ Date #D: đặt ngày.

+ Time #T: đặt giờ.

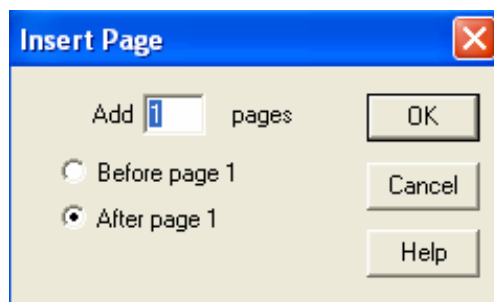
+ Footer 1; footer 2: Ghi chú dưới trang nhạc, cách chọn lựa hiển thị giống như "Header 1; header 2".

- Score - Add Page...: Thêm trang.

+ Add... pages: Thêm số trang.

+ Before page...: Thêm trước trang...

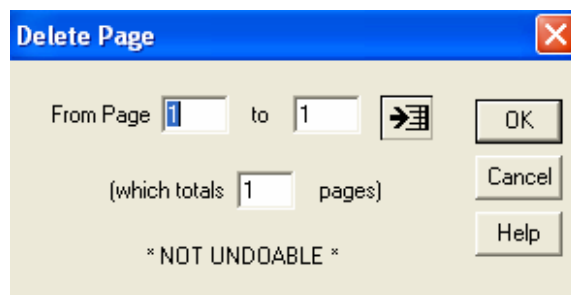
+ After page...: Thêm sau trang...



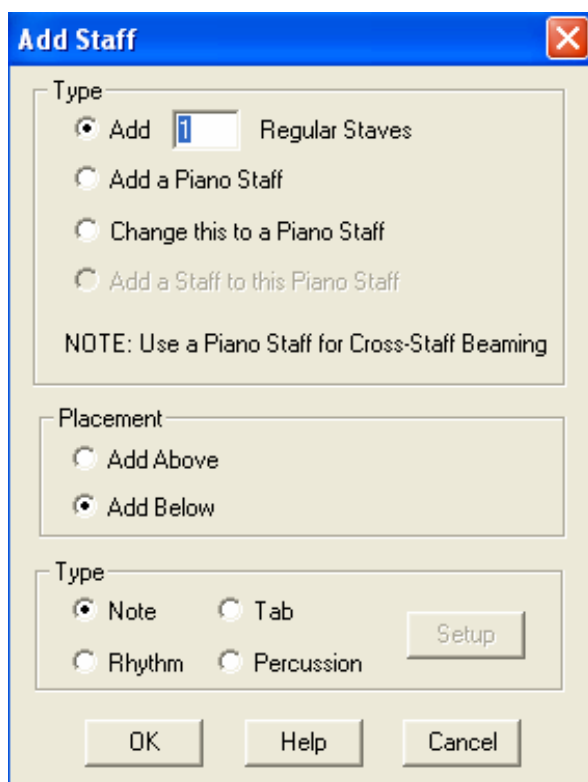
- Score - Delete Page...: Xoá trang.

+ From Page... to ...: Xoá từ trang... đến trang... (Lệnh này không thể “undo”).

+ (which totals... pages): Tổng số trang sẽ được xoá.



- Score - Add staff... : Thêm khuôn nhạc.



+ Type: Loại khuôn .

+ Add ... Regular Staves: Thêm số khuôn nhạc kiểu thường dùng.

+ Add a Piano Staff: Thêm khuôn nhạc kiểu Piano.

+ Change this to a Piano Staff: Thay đổi khuôn nhạc được chọn bằng khuôn nhạc kiểu piano.

+ Add a Staff to this Piano Staff: Thêm một khuôn nhạc vào khuôn nhạc kiểu piano hiện hành.

+ Placement: nơi để thêm khuôn nhạc (Add Above: thêm bên trên; Add Below: thêm bên dưới).

+ Type - Note: Kiểu khuôn nhạc bình thường để ghi nốt.

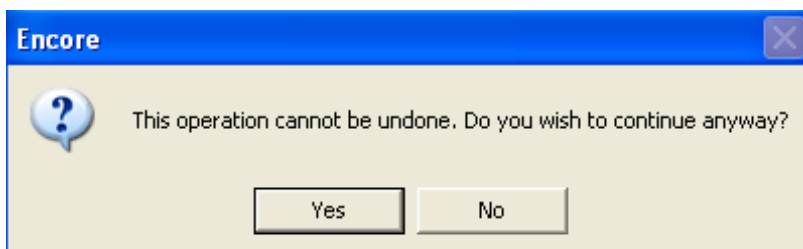
+ Type - Tab: Kiểu khuôn nhạc đặc biệt dành cho đàn guitar.

+ Type - Rhythm: Kiểu khuôn nhạc dành để ghi tiết tấu.

+ Type - Percussion: Kiểu khuôn nhạc dành để ghi cho bộ gõ.

- Score - Delete staff... : Lệnh xoá khuôn nhạc.

Lệnh này chỉ có tác dụng khi bản nhạc hiện hành có hai khuôn nhạc trở lên và không thể “undo” (đánh khối khuôn nhạc trước khi dùng lệnh).



- Score – Split this staff... : tách khuông. Dùng lệnh này để chuyển đổi cách ghi nhạc từ một khuông thành hai khuông nhạc theo giá trị cao độ của nốt (đánh khối khuông nhạc trước khi dùng lệnh).

+ Place the Following On a New Staff: Đặt những thông số về nốt ở bảng bên dưới vào khuông nhạc mới.

Những thông số đó là:

+ Notes below:

Những nốt dưới nốt...C3. (ở ví dụ này, những nốt thấp hơn nốt C3 sẽ được đưa vào một khuông nhạc khác ở bên dưới).

+ Notes from voice:

Có 8 “voices” để lựa chọn, tùy theo khuông nhạc có chia thành nhiều “voice” hay không. Những “voice” đã chọn sẽ chia theo nốt đã định. Nếu không chọn “voice” nào thì tất cả các “voice” đều được chuyển.

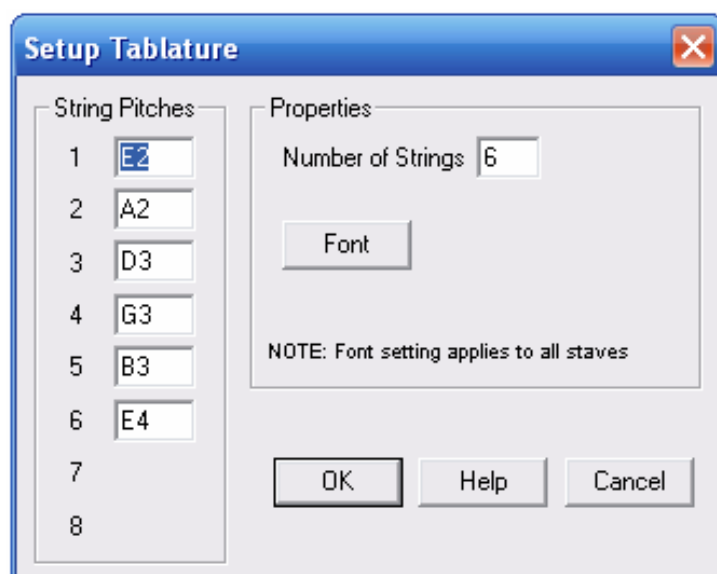


+ Set the Clef to: Đặt loại khoá cho khuông nhạc mới (Khoá sol: “Treble”; Khoá Fa: “Bass”; Khoá Do dòng 3: “Alto”; Khoá Do dòng 4: “Tenor”).

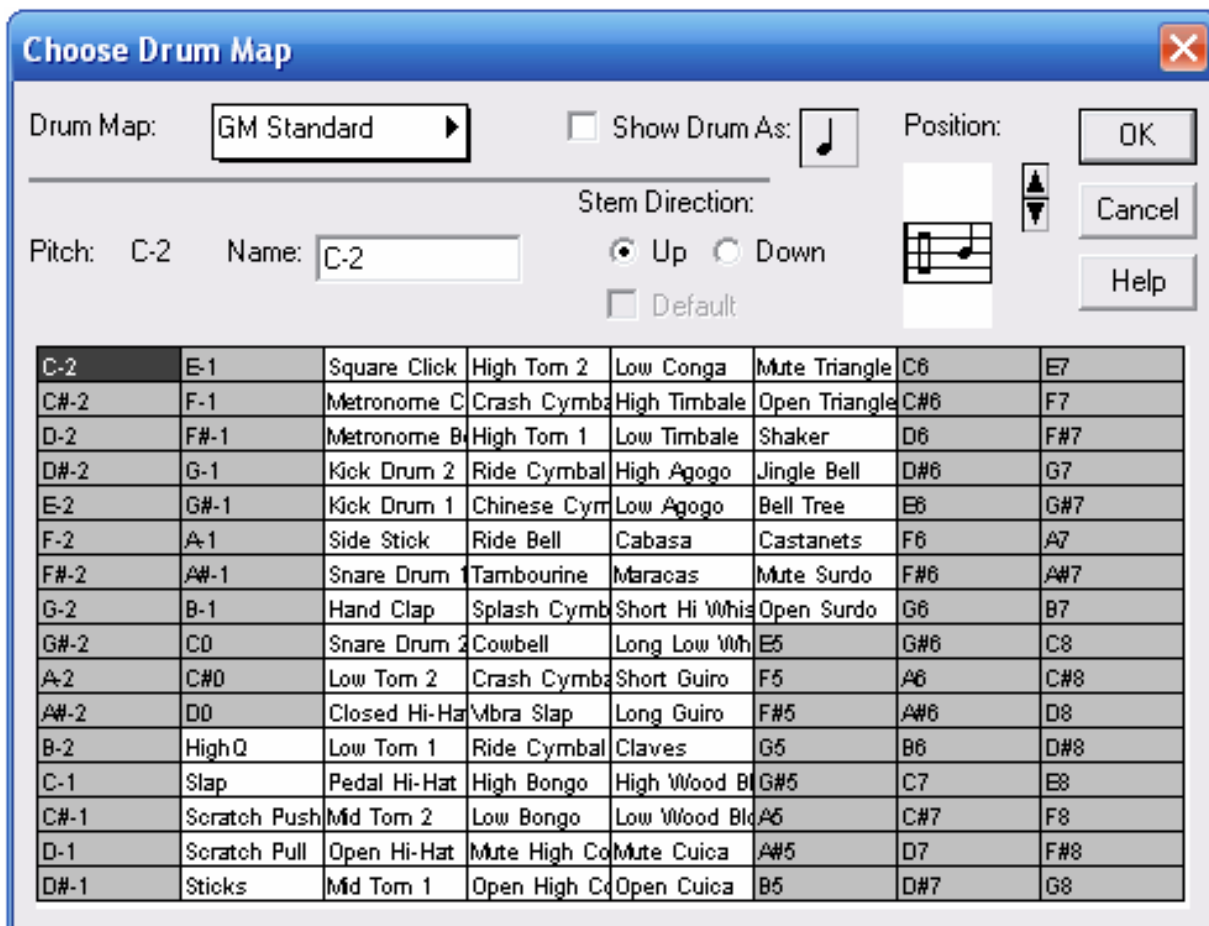
+ Keep notes in a Piano Staff: Giữ nốt trong hệ thống khuông nhạc kiểu Piano.

- Score – Tablature Staff : Thêm khuông nhạc đặc biệt cho đàn dây.

Có thể đặt cho đàn có từ một đến 8 dây. Hộp thoại mặc định dưới đây là chương trình dành cho đàn guitar.



- Score – Percussion Staff: Thay đổi thuộc tính khuôn nhạc được chọn thành khuôn nhạc đặc biệt dành cho bộ gõ.

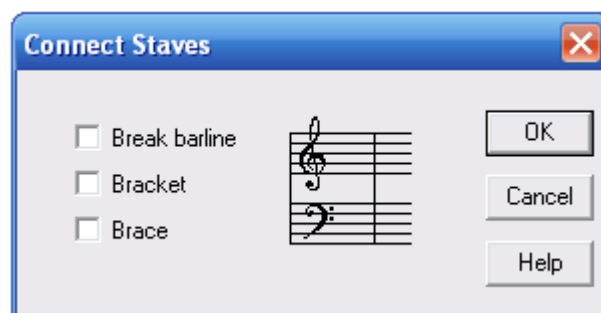


- Score – Connect Staves : Các kiểu vạch nhịp liên kết hệ thống khuôn nhạc.

+ Break barline: kiểu vạch nhịp không nối liền giữa các khuôn.

+ Bracket: kiểu dấu ngoặc vuông đầu khuôn.

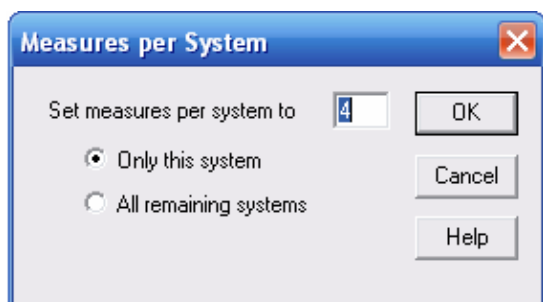
+ Brace: kiểu dấu ngoặc tròn đầu khuôn.



- Score – Center Staves : lệnh sắp xếp một cách tự động các khuôn nhạc vào giữa trang nhạc.

- Score – Center Systems : lệnh sắp xếp một cách tự động khoảng cách các khuôn nhạc trên hệ thống khuôn nhạc.

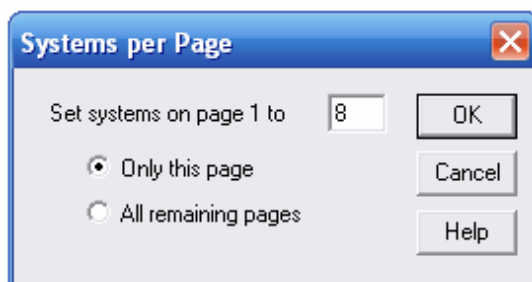
- Score – Measures per System : Quy định số ô nhịp cho khuôn nhạc.



+ Only this system: Chỉ quy định tổng số ô nhịp cho hệ thống khuôn nhạc hiện hành. (Khuôn nhạc đang được chọn)

+ All remaining systems: Quy định tổng số ô nhịp cho toàn bộ hệ thống khuôn nhạc còn lại của bản nhạc.

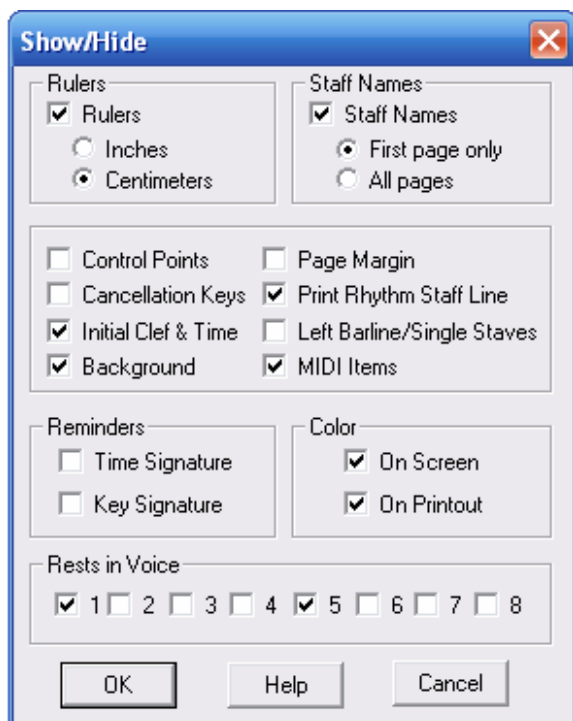
- Score – Systems per page : Quy định số khuôn nhạc (hoặc hệ thống khuôn nhạc) cho một hay nhiều trang nhạc đang viết.



+ Only this page: Chỉ quy định cho trang hiện hành.

+ All remaining pages: Quy định cho tất cả những trang còn lại.

1.2.6 Menu View (Các lệnh liên quan sự hiển thị trên màn hình của chương trình Encore)



- View – Show/Hide (Ctrl + H): Một số tùy chọn trong việc hiển thị.

+ Rulers: Tùy chọn hiển thị thước đo theo đơn vị Inches hay Centimeters.

+ Staff Names: Tùy chọn hiển thị tên của khuôn nhạc chỉ ở trang đầu hay tất cả các trang.

+ Control Points: Tùy chọn hiển thị điểm điều khiển của một số kí hiệu (Ví dụ: dấu nối, dấu luyến,...)

+ Cancellation Keys: Tùy chọn hiển thị dấu hóa nhắc nhở khi thay đổi hóa biểu.

+ Background: Tùy chọn hình nền của chương trình.

+ Initial Clef & Time: Tùy chọn

hiển thị khóa và số chỉ nhịp đầu khuôn nhạc.

+ Page Margin: Tùy chọn hiển thị lề trang nhạc.

+ Print Rhythm Staff Line: Tùy chọn việc in đường kẻ của khuôn nhạc ghi tiết tấu.

+ Left Barline/Single Staves: Tùy chọn hiển thị vạch đầu khuôn ở khuôn nhạc đơn.

+ MIDI Items: Tùy chọn hiển thị những thông số của tín hiệu giao tiếp MIDI.

+ Reminders Time Signature: Tùy chọn hiển thị nhắc nhở khi thay đổi nhịp.

+ Reminders Key Signature: Tùy chọn hiển thị hóa biểu nhắc nhở khi thay đổi hóa biểu.

+ Color On Screen: Tùy chọn hiển thị màu trên màn hình.

+ Color On Printout: Tùy chọn hiển thị màu khi in màu.

+ Rests in Voice: Tùy chọn hiển thị dấu lặng trên các Voice (Đôi khi trên một khuôn nhạc có nhiều bè, người viết chỉ muốn hiển thị dấu lặng trên một bè).

- View – Score Colors...: Sử dụng màu trên văn bản. Click chọn mục cần hiển thị màu và click chuột vào bảng màu để chọn (Choose the color of the selected item).

+ Use Prefs Colors: Sử dụng màu mặc định của chương trình.

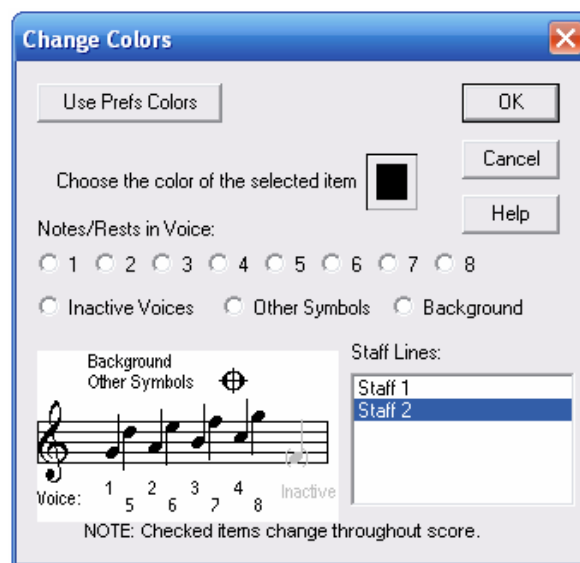
+ Notes/Rests in Voice: chọn màu cho hình nốt và dấu lặng trên 8 bè tự chọn.

+ Innactive Voices: chọn màu cho các nốt nhắc nhở.

+ Other Symbols: chọn màu cho các kí hiệu khác.

+ Background: màu cho nền.

+ Staff Lines: Chọn khuôn nhạc cần hiển thị màu.



- View – Guitar Frets...: Tùy chọn hiển thị thế bấm trên phím đàn guitar ở kí hiệu hợp âm.

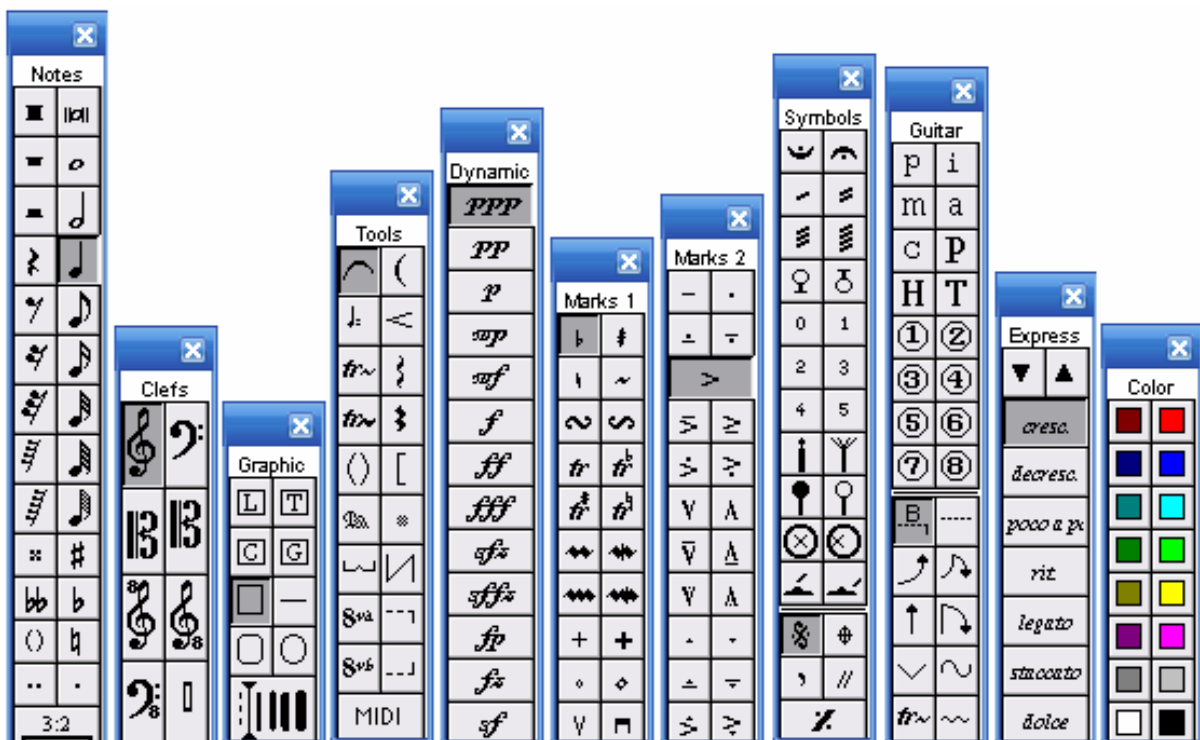
+ Show Frets: có hiển thị.

+ Hide Frets: không hiển thị.

- View – Show Staves : Hiển thị những khuôn nhạc đã ẩn trước đó.
- View – Hide Staves : Lệnh làm ẩn khuôn nhạc (Đánh khối khuôn nhạc trước khi dùng lệnh).
- View – Refresh Score: Đôi khi trên màn hình có những hiển thị không mong muốn gây ra do hệ thống Graphic Card, người dùng có thể dùng lệnh này để làm tươi màn hình lại.
- View – Liner View (Ctrl+Y): Hiển thị bản nhạc thành một dòng không xuống hàng.
- View – Show/Hide Floating Windows (Ctrl+K): Hiển thị hoặc không hiển thị những cửa sổ công cụ của chương trình.

1.2.7 Menu Windows (Các lệnh liên quan đến cửa sổ làm việc của chương trình).

- Windows – Pallete:
 - + Windows – Pallete – Notes: Bảng chứa những ký tự của hình nốt, hình dấu lặng,... Người dùng click chuột vào những ký tự đó để đưa vào bản nhạc của mình. Có thể click chuột vào phần chữ để chuyển luân phiên giữa các Pallete khác nhau như hình minh họa sau:



+ Windows – Pallete – Clefs: Cửa sổ công cụ chứa những kí tự của các loại khóa, click chuột vào loại khóa cần dùng, đưa con trỏ vào bản nhạc và click vào ô nhịp muốn thay đổi.

+ Windows – Pallete – Graphics: Cửa sổ công cụ liên quan đến đồ họa và nhập chữ.

+ Windows – Pallete – Tools: Cửa sổ công cụ liên quan đến các loại dấu luyến, đặt tempo, MIDI,...

+ Windows – Pallete – Dynamics: Cửa sổ công cụ liên quan đến kí hiệu cường độ.

+ Windows – Pallete – Marks 1: Cửa sổ công cụ liên quan đến các kí hiệu âm nhạc đặc biệt loại 1.

+ Windows – Pallete – Marks 2: Cửa sổ công cụ liên quan đến các kí hiệu âm nhạc đặc biệt loại 2.

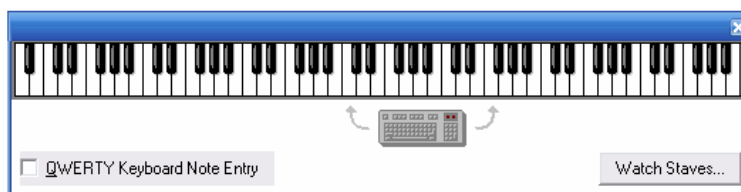
+ Windows – Pallete – Symbols: Cửa sổ công cụ liên quan đến các ký hiệu, biểu tượng trong âm nhạc.

+ Windows – Pallete – Guitar: Cửa sổ công cụ liên quan đến các kí hiệu âm nhạc dành riêng cho đàn guitar.

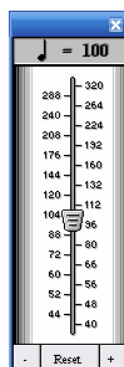
+ Windows – Pallete – Expressions: Cửa sổ công cụ liên quan đến các thuật ngữ diễn tả sắc thái trong âm nhạc.

+ Windows – Pallete – Color: Cửa sổ công cụ liên quan đến hiển thị màu sắc.

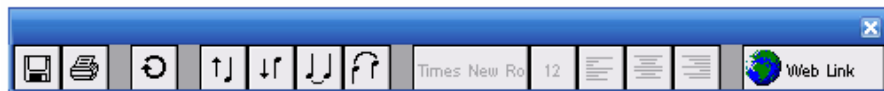
- Windows – Keyboard : Tùy chọn hiển thị “QWERTY Keyboard”, dùng bàn phím máy tính để thay phím đàn.



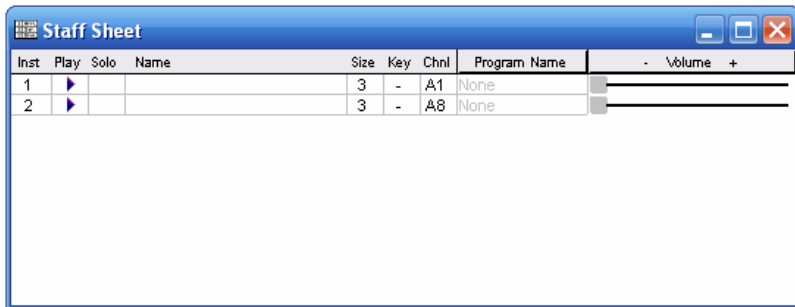
- Windows – Tempo : Thay đổi tốc độ của bản nhạc.



- Windows – Toolbar : Tùy chọn hiển thị thanh công cụ.



- Windows – Staff Sheet (Ctrl+I): Tùy chọn hiển thị bảng Staff Sheet (xem phần chép tổng phổ)



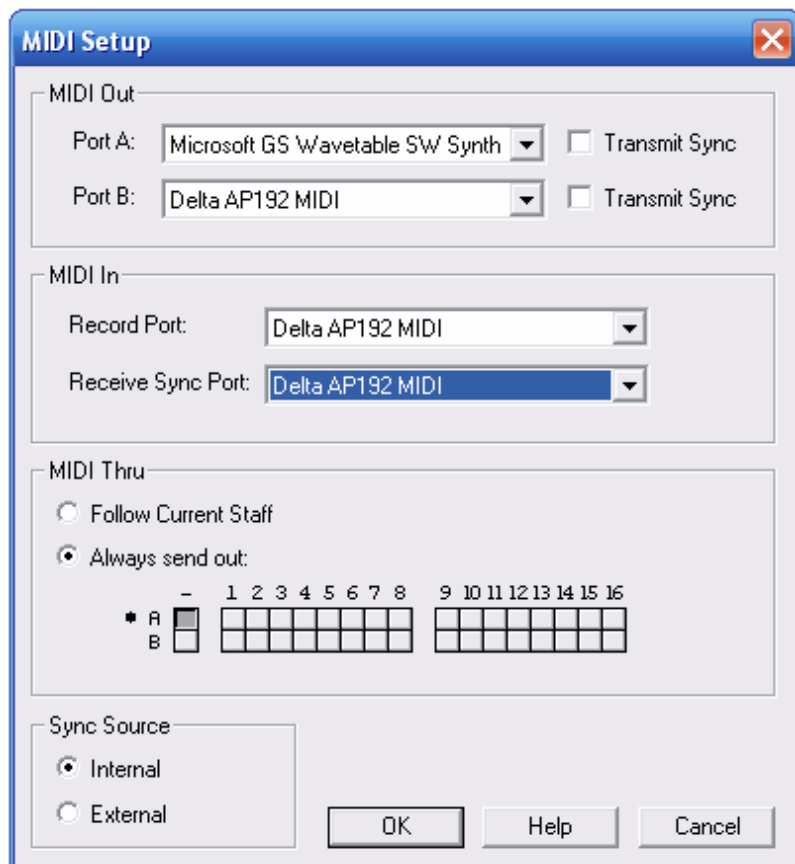
- Windows – Tile; Cascade; Arrange Icons; Close All: Tùy chọn hiển thị hoặc đóng các cửa sổ hiện hành như các phần mềm chạy trên nền Windows thông thường khác.

1.2.8 Menu Setup

- Setup – MIDI Setup ... : Các thiết lập cổng âm thanh. Tùy thuộc vào cấu hình máy, các driver MIDI, chương trình sẽ nhận được các cổng nhập xuất của thiết bị.

+ MIDI Out: Cổng xuất tín hiệu MIDI.

Ví dụ: “Port A” trong hộp thoại trên nhận cổng xuất là “Microsoft GS Wavetable SW Synth”, lúc này người nghe có thể nghe âm thanh trực tiếp trên hệ thống loa của máy



tính mà không cần một thiết bị ngoại vi nào khác nhờ “driver MIDI” của hệ điều hành Microsoft Window. “Port B” trong hộp thoại trên nhận cổng xuất là “Delta

AP192 MIDI”, đây là cổng xuất tín hiệu trong giao diện MIDI của Soundcard nhãn hiệu M-audio được gắn vào khe cắm PCI trong bo mạch chính của máy tính. Các thiết bị ngoại vi gắn vào giao diện này sẽ nhận được tín hiệu phát ở “Port B” của chương trình. Người sử dụng có thể thay đổi cổng phát tín hiệu theo yêu cầu riêng.

+ MIDI In: Cổng nhập tín hiệu MIDI.

Ví dụ “Record Port” trong hộp thoại trên nhận cổng thu là Delta AP192 MIDI, đây là cổng nhập tín hiệu trong giao diện MIDI của Soundcard nhãn hiệu M-audio được gắn vào mainboard của máy tính. (Khi nối kết đàn phím điện tử vào cổng này, người dùng có thể ghi nốt nhạc hoặc thu tín hiệu MIDI trực tiếp từ phím đàn).

+ MIDI Thru: Cổng tín hiệu MIDI trung gian.

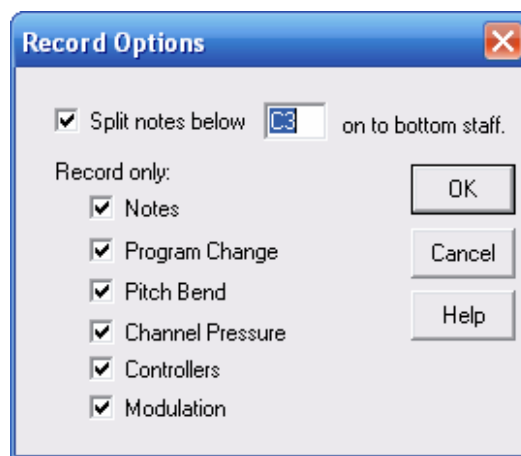
Dùng để cài đặt nhiều thiết bị MIDI vào chung một cổng nhập hoặc xuất của giao diện MIDI.

+ Sysc Source: Các nguồn nối kết nội tại hoặc ngoại vi.

- Setup — Record Setup : Thiết lập các thông số nhập tín hiệu MIDI từ thiết bị ngoại vi như đàn phím điện tử.

+ Split notes below ... on to bottom staff: Chia nốt đã định vào khuôn nhạc bên dưới.

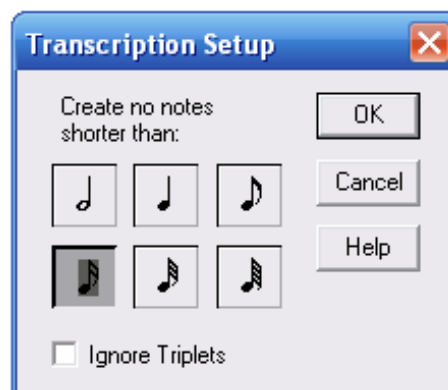
+ Record only... : các tùy chọn mã tín hiệu khi thu MIDI.



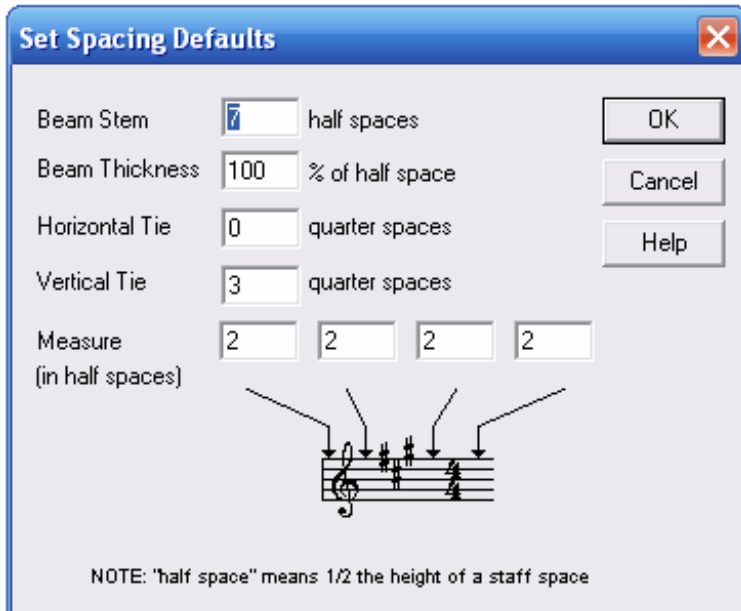
- Setup – Transcription Setup... : Chuyển biên các tín hiệu MIDI thành nốt trong khi thu.

+ Create no notes shorter than: Tùy chọn hình nốt để chuyển biên. (VD : chọn như hình bên thì các nốt ngắn hơn móc kép sẽ không được chuyển biên, chương trình sẽ ghi nốt ngắn hơn móc kép thành nốt móc kép).

+ Ignore Triplets: Nhận biết cả các nốt có dấu liên kết trường độ (các nốt phân chia theo trường độ tự do).



- Setup – Spacing Defaults : Thiết lập mặc định về khoảng cách, dạng thức của một số kí hiệu âm nhạc.



+ Beam Stem: xác lập độ dài của vạch nối trường độ giữa hai nốt.

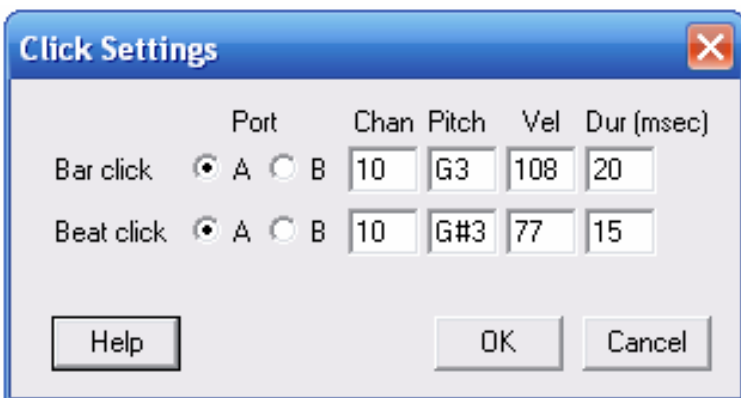
+ Beam Thickness: xác lập độ dày của vạch nối trường độ.

+ Horizontal Tie: xác lập độ nối dài theo chiều ngang.

+ Vertical Tie: xác lập độ nối dài theo chiều đứng.

+ Measure... : Khoảng cách của một số kí hiệu đầu không.

- Setup — Click Setup...: Chọn âm sắc tiếng gõ cho máy đánh nhịp.



+ Bar click: Tiếng gõ đầu nhịp.

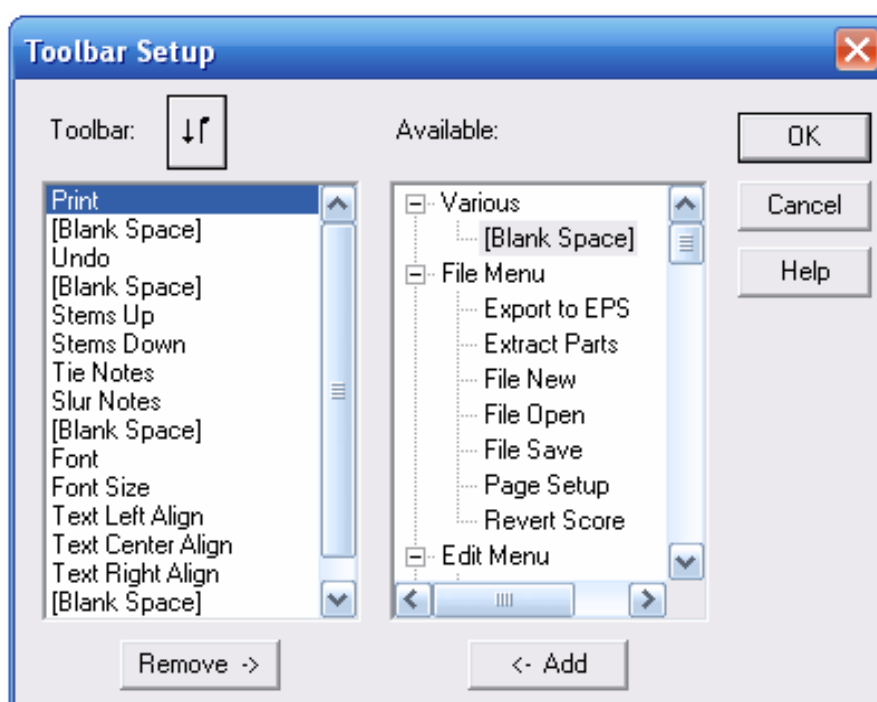
+ Beat click: Tiếng gõ cho phách

Đặt các thông số cho cổng (Port), kênh (Chan), cao độ (Pitch), cường độ (Vel) và trường độ (Dur).

- Setup – Toolbar Setup: Thêm và bớt công cụ trên thanh công cụ.

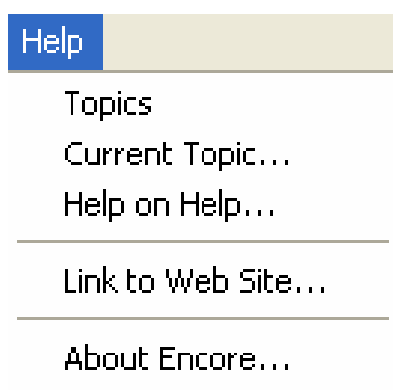
+ Chọn một trong những công cụ cần dùng trong hộp “Available”, click nút “Add” để thêm công cụ được chọn vào thanh công cụ.

+ Chọn một trong những công cụ không muốn hiển thị nữa trên thanh công cụ đang làm việc trong hộp “Available”, click nút “Remove” để dỡ bỏ công cụ được chọn.



- Setup – Click On (Ctrl+F) : Bật chức năng gõ nhịp.
- Setup – Follow Playback : Tùy chọn hiển thị con trỏ chạy theo nhịp trên khuôn nhạc khi phát âm thanh.
- Setup – Auto Guess/Beam : Tùy chọn tự động nhận độ ngân và dấu nối trường độ trong khi viết nhạc.
- Setup – Auto Space : Tùy chọn tự động giãn khoảng cách trong khi viết nhạc.
- Setup – Save Preferences : Lưu những cài đặt của người dùng cho lần mở sau.

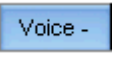








1.2.9 Menu Help: Menu trợ giúp cho người sử dụng chương trình.

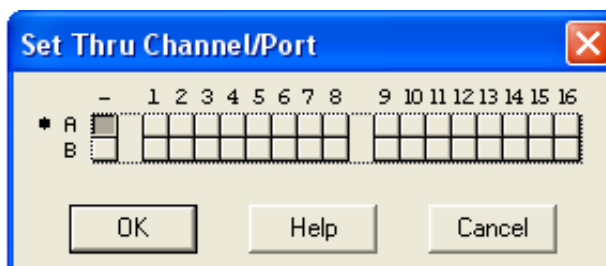



- + Topics: Trợ giúp theo chủ đề.
- + Curent Topic...: Trợ giúp theo thao tác vừa sử dụng.
- + Help on Help...: Trợ giúp cách sử dụng trình trợ giúp.
- + Link to Web Site...: Kết nối đến trang web trực tuyến <http://www.gvox.com/> của chương trình.
- + About Encore...: Thông tin về phần mềm.

1.2.10 Thanh công cụ



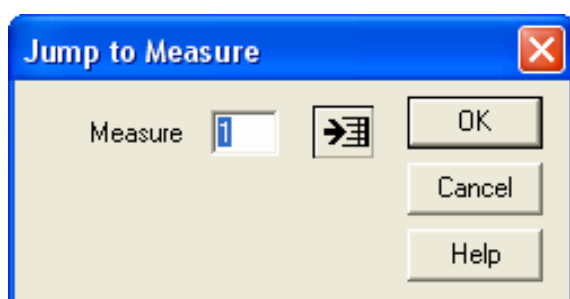
- Nút chọn bè  (The Voice Selector): chọn bè cần hiển thị hoặc cần ghi.
- Nút mũi tên  (The Arrow Tool): chọn khi thao tác những tác vụ thông thường.
- Nút tẩy  (The Eraser Tool): chọn khi tẩy nốt hoặc ghi chú trên bản nhạc.
- Nút bút  (The Pencil Tool): chọn khi ghi nốt hoặc ghi chú tùy theo tác vụ đang được kích hoạt.
- Nút thu  (The Record Button): chọn khi thu trực tiếp từ thiết bị MIDI.
- Nút phát  (The Play Button): phát lại bản nhạc đang ghi.
- Nút dừng  (The Stop Button): dừng lại bản nhạc đang phát.
- Nút dừng hẳn âm thanh  (The All Notes Off Button): Dừng hẳn âm thanh (Đôi khi click nút “Stop Button” nhưng một số nốt vẫn còn tiếp tục phát âm).
- Nút chọn cổng âm thanh  (The Thru Button): Khi nối từ hai thiết bị MIDI mới cần điều chỉnh nút này. Hộp thoại cho người dùng những tùy chọn để chọn kênh và cổng âm thanh cho các thiết bị MIDI được nối với sound card của máy tính.



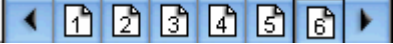
- Nút phóng to thu nhỏ (The Zoom Button): dùng khi muốn phóng to hoặc thu nhỏ bản nhạc trên màn hình máy tính. Click chuột vào ô tam giác để chọn các mức zoom mặc định của chương trình. (Hoặc có thể click vào nút  để điều khiển trực tiếp trên giao diện màn hình).



- Nút chọn ô nhịp  (The Measure Indicator): nút để chọn ô nhịp



Ghi số ô nhịp vào ô tùy chọn, click nút OK.

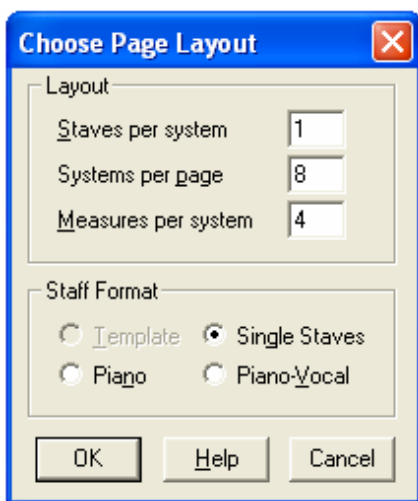
- Nút chọn trang  (The Page Icons): chọn vào trang cần hiển thị trên màn hình.

2) Chép ca khúc

Phần này xin giới thiệu một số thao tác cần thiết nhất cho việc chép ca khúc bằng chương trình Encore.

2.1 Tạo mới một tập tin ca khúc (Ví dụ chép ca khúc: “Tiếng chuông và ngọn cờ” của nhạc sĩ Phạm Tuyên).

- Sử dụng lệnh File – New... (Ctrl+N) và xác lập các thông số theo hình minh họa dưới đây:



+ Staves per system: Số khuôn nhạc trong một hệ thống khuôn nhạc. Viết ca khúc, chọn thông số là 1.

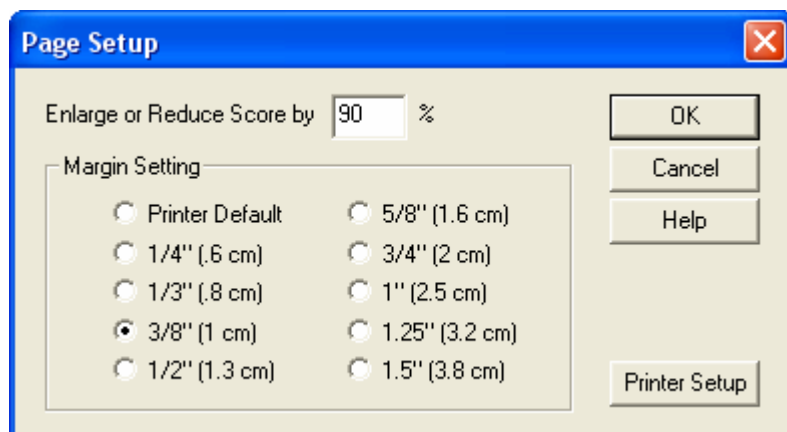
+ Systems per page: Số hệ thống khuôn nhạc cho một trang. Chọn thông số là 8: trường hợp này sẽ có 8 khuôn nhạc trong một trang.

+ Measures per system: Số ô nhịp cho khuôn nhạc. Chọn thông số là 4: trường hợp này sẽ có 4 ô nhịp trong mỗi khuôn nhạc.

+ Single Staves: Hệ thống khuôn nhạc đơn, không có ngoặc nối đầu khuôn.

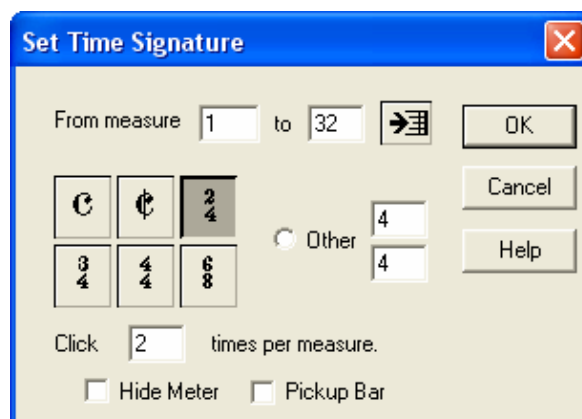
2.2 Định dạng trang

- Sử dụng lệnh File – Page Setup và xác lập các thông số theo hình. Click chuột vào nút Printer Setup để chọn trang A4 (hoặc loại trang giấy phù hợp với nhu cầu người dùng) như các chương trình thông dụng khác.



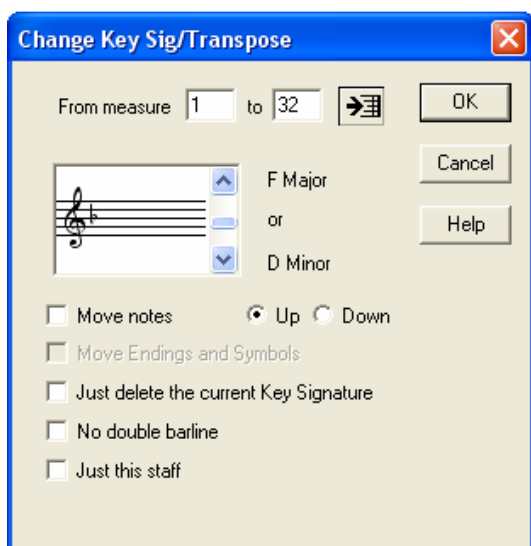
2.3 Chọn số chỉ nhịp

- Sử dụng lệnh Measures – Time Signature và xác lập các thông số theo hình.



2.4 Chọn hóa biểu

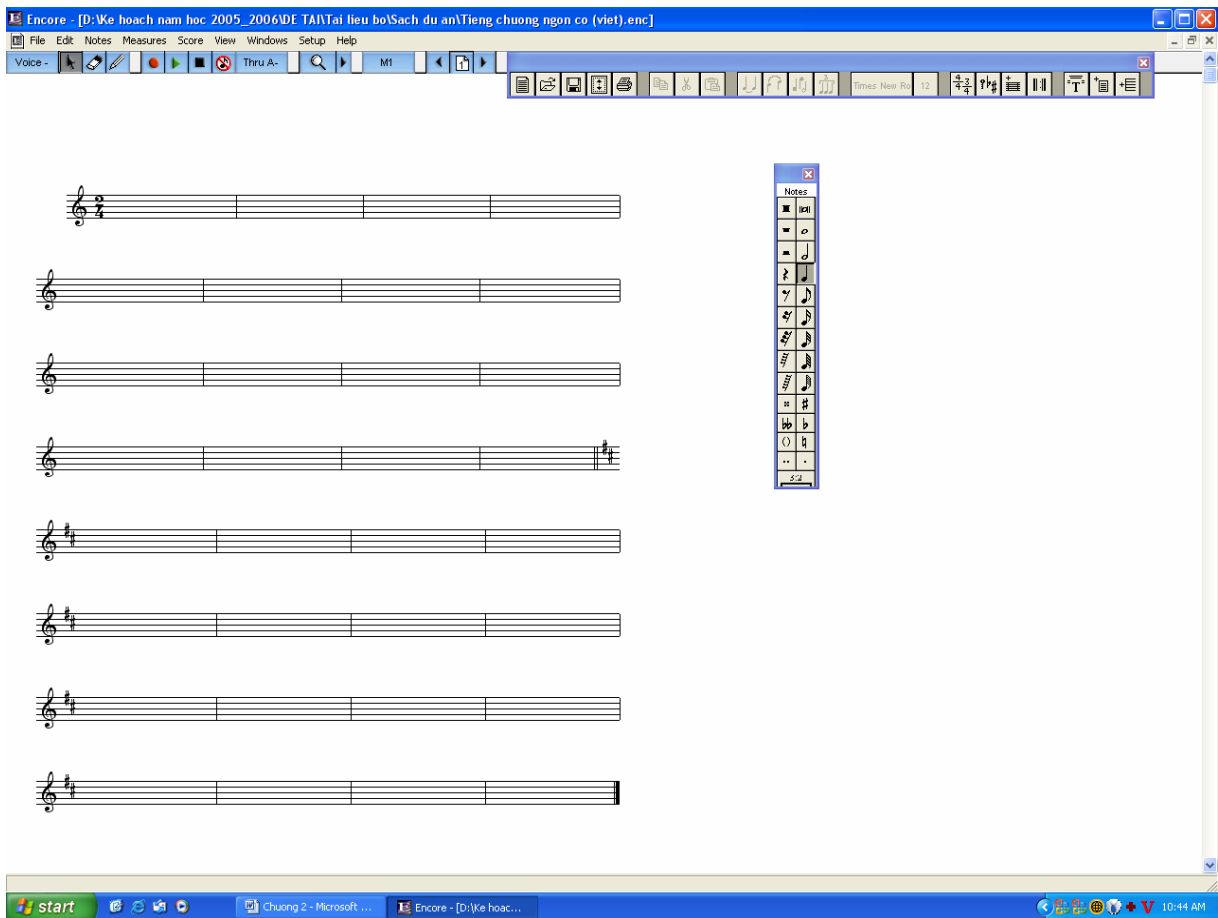
- Sử dụng lệnh Measures – Key Signature và xác lập các thông số theo hình:



- Vì đây là một bài có chuyển điệu, nên phải chọn hóa biểu cho đoạn 2 bằng cách sau: Sử dụng lệnh Measures – Key Signature và xác lập các thông số theo hình:



Lúc này, giao diện màn hình sẽ có dạng như sau:



2.5 Chép phần nhạc

2.5.1 Dùng chuột và bàn phím

- Nốt tròn nhấn phím số 1.
- Nốt trắng nhấn phím số 2.
- Nốt đen nhấn phím số 3.
- Nốt đơn nhấn phím số 4.
- Nốt móc kép nhấn phím số 5.
- Nốt móc ba nhấn phím số 6.
- Chuyển đổi qua lại giữa dấu lặng và hình nốt nhấn phím “r”.
- Dấu liên nhấn “t”, xác lập các loại dấu liên ở thanh Palette Notes.

* Thao tác ghi hình nốt hoặc dấu lặng: Chọn hình nốt hoặc hình dấu lặng bằng phím số, sau đó click chuột lên khuông nhạc ở vị trí khe hoặc đường kẻ.

- Dấu thẳng nhấn phím “s”.
- Dấu thẳng kép nhấn phím “Shift+s”.
- Dấu giáng nhấn phím “f”.
- Dấu giáng kép nhấn phím “Shift+f”.
- Dấu bình nhấn phím “n”.
- Dấu chấm đôi nhấn phím “d”.
- Dấu chấm đôi kép nhấn phím “Shift+d”.

* Thao tác ghi dấu hóa bất thường: Chọn loại dấu hóa bằng bàn phím, sau đó click chuột lên hình nốt đã ghi trên bản nhạc.

2.5.2 Dùng đàn phím điện tử và bàn phím máy tính

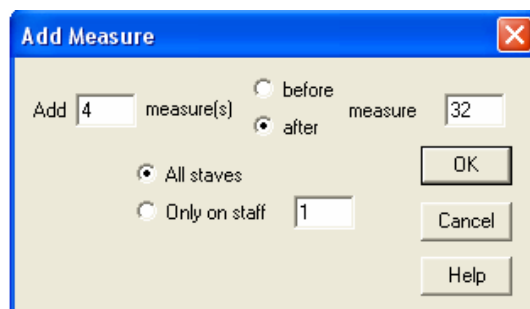
- Xác lập cổng MIDI in của đàn (dùng menu Setup – MIDI setup)
- Thao tác ghi: Chọn hình nốt, dấu lặng hoặc dấu hóa bằng bàn phím, sau đó sử dụng phím đàn để ghi nốt.

2.5.3 Dùng cách thu trực tiếp từ đàn phím điện tử

- Xác lập các thông số trước khi thu (dùng menu Setup – Record setup và Setup – Transcription Setup)
- Đặt con trỏ chuột tại ô nhịp đầu tiên.
- Nhấn Enter để bắt đầu thu.

2.5.4 Một số tình huống xử lý khi thực hành chép phân nhạc

- Hết ô nhịp: sử dụng lệnh “Add Measure”. Trong trường hợp bài thực hành gồm 36 nhịp này, khi chép đến ô nhịp 32 chúng ta phải sử dụng lệnh “Add Measure” và đặt các thông số như hình sau để thêm 4 ô nhịp còn lại:

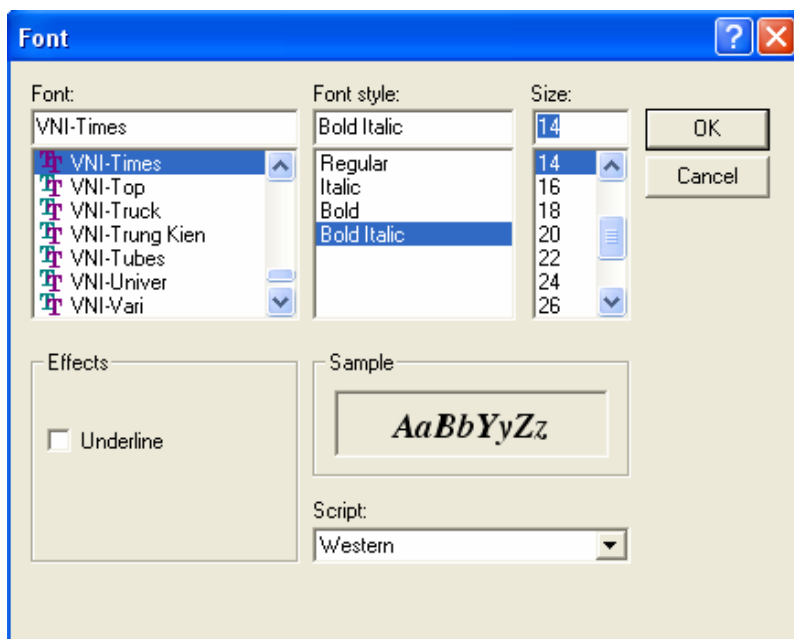


Trường hợp viết bằng phím đàn thì chương trình sẽ tự động thêm nhịp.

- Chuyển đổi từ hình thức nốt có dấu nối trường độ qua hình thức nốt rời (thường sử dụng trong ca khúc): Chọn nốt và sử dụng phím tắt Ctrl+B.
- Viết dấu luyến: Chọn nốt và sử dụng phím tắt Ctrl+L.
- Viết dấu nối: Chọn nốt và sử dụng phím tắt Ctrl+T.
- Các kiểu vạch nhịp: Chọn ô nhịp và sử dụng phím tắt Alt+M+B, sau đó xác lập các thông số trong hộp thoại.
- Không hiển thị nhắc nhở thay đổi hóa biểu: sử dụng phím tắt Ctrl+H và bỏ dấu kiểm trên tùy chọn Reminders – Key Signature.
- Viết sai: sử dụng lệnh Undo (Ctrl+Z) hoặc công cụ Eraser.

2.6 Chép phân lời


- Mở thanh Pallete Graphic (Menu Windows – Pallete – Graphic)
- Click chuột vào ô “L” của thanh Graphic để kích hoạt tiện ích chép lời của ca khúc.



- Chọn menu “Text – Font” (Menu này không xuất hiện nếu không kích hoạt tiện ích chép lời của ca khúc). Chọn font chữ trong hộp thoại như sau:

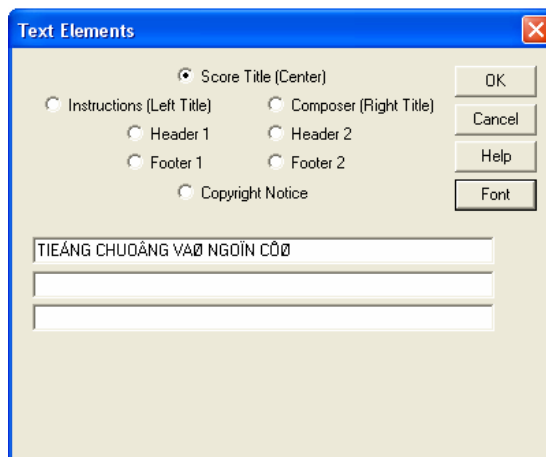
(VNI-Times là font chữ phổ biến khi gõ tiếng Việt, người dùng có thể chọn font chữ khác nhưng lưu ý điều chỉnh tiện ích đánh tiếng Việt trên mỗi máy tính khác nhau).

- Click chuột vào nốt đầu tiên của ca khúc để bắt đầu ghi lời (Đánh máy và chỉnh tiếng Việt như các chương trình văn bản khác).
- Ghi lời thứ hai: chỉnh “voice 2” trên thanh công cụ, sau đó thao tác đánh chữ như đã trình bày trên.

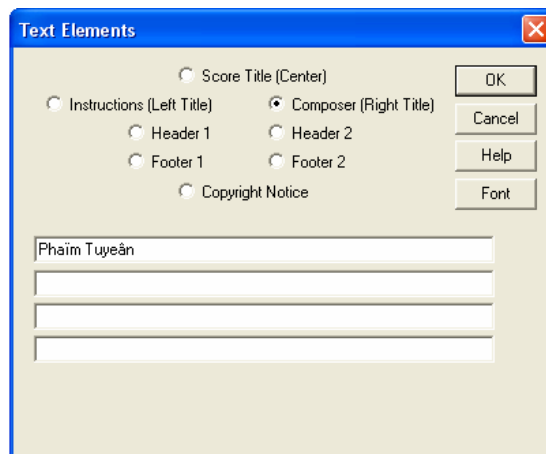
- Người dùng có thể dùng chuột để chỉnh lại vị trí mặc định của chữ trên bản nhạc bằng cách giữ trái chuột trên chữ và rê đến vị trí mong muốn (Lưu ý: trước khi thao tác phải chọn nút mũi tên  trên thanh công cụ).

2.7 Chép các ghi chú

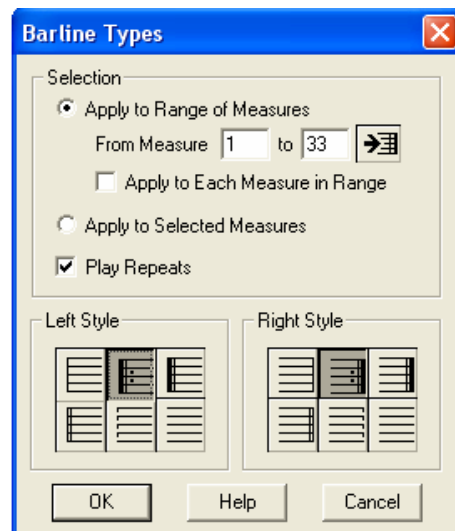
- Tiêu đề: Sử dụng lệnh Score — Text Elements. Trong tùy chọn Score Title (Center), chọn font chữ, sau đó đánh tiêu đề trong ô chữ như hình hộp thoại bên (font chữ trong hộp thoại không hiển thị tiếng Việt):



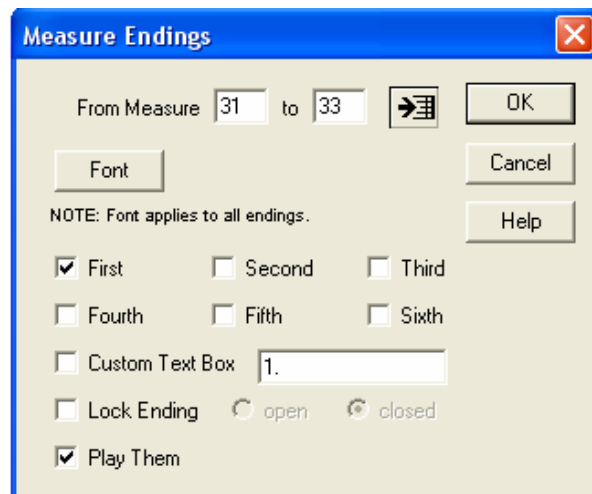
- Tên tác giả: Sử dụng lệnh Score — Text Elements. Trong tùy chọn Composer (Right Title), chọn font chữ, sau đó đánh tên tác giả trong ô chữ như hình hộp thoại bên:



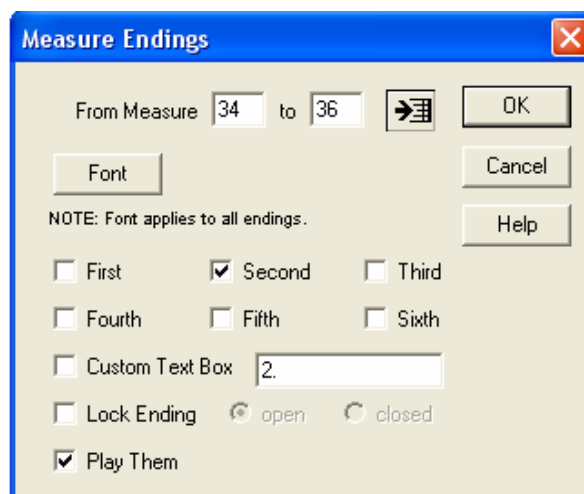
- Dấu nhắc lại: Sử dụng lệnh Measures — Barline Types, xác lập các thông số như hình hộp thoại bên:



- Khung thay đổi 1: Sử dụng lệnh Measures – Ending, chọn font, xác lập các thông số như hình hộp thoại bên:



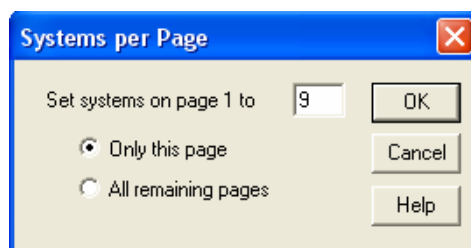
- Khung thay đổi 2: Sử dụng lệnh Measures – Ending, chọn font, xác lập các thông số như hình hộp thoại bên:



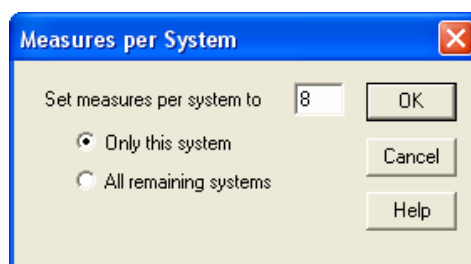
Trên thanh Palette có rất nhiều công cụ để chép các ghi chú (Mark1, Mark2, Tool, Express, Guitar, Symbols, Graphic,...). Một trong những công cụ cần dùng nhất để chép các ghi chú bằng chữ là “Graphic”. Trên thanh Palette – Graphic, nhấn T, click chuột trên bản nhạc để tạo một “text box”, sau đó đánh chữ vào ô “text box” để tạo ghi chú. (Chọn font chữ như mục 2.6).

2.8 Dàn trang và các thao tác cần thiết khác

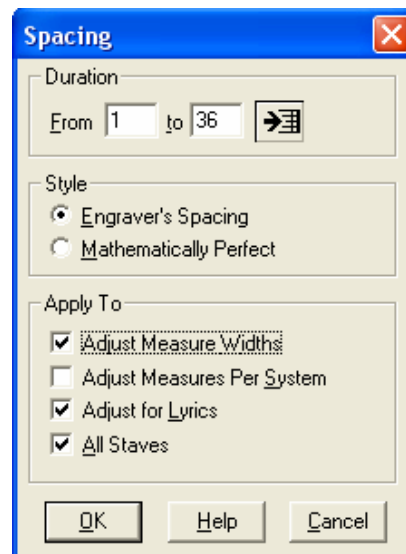
- Dồn bản nhạc về một trang: Sử dụng lệnh Score – Systems per Page và xác lập thông số trong trường hợp thực hành này như hình bên:



- Số lượng ô nhịp cho một hệ thống không nhạc cụ thể: Trong trường hợp thực hành này, chọn không nhạc thứ hai từ dưới lên, sử dụng lệnh Score – Measures per System và xác lập các thông số như hình bên:



- Sắp xếp cho hài hòa các nốt và ô nhịp trong toàn bộ bản nhạc: Đánh khối toàn bản nhạc (Ctrl+A), sử dụng phím tắt Ctrl+J, xác lập các thông số trong hộp thoại như sau:



- Sắp xếp vị trí các khuông nhạc một cách tự động: Sử dụng lệnh Score – Center Staves hoặc Score – Center Systems.

- Sắp xếp vị trí các khuông nhạc bằng chuột: đặt chuột vào vị trí cuối khuông nhạc và kéo rê đến vị trí mong muốn.

- Sắp xếp vị trí các vạch nhịp: đặt chuột vào vị trí đầu vạch nhịp và kéo rê đến vị trí mong muốn.

- Sắp xếp vị trí các nốt nhạc: đặt chuột vào vị trí nốt nhạc và kéo rê đến vị trí mong muốn.

- Sắp xếp vị trí các ký hiệu: đặt chuột vào vị trí các ký hiệu và kéo rê đến vị trí mong muốn.

- Sắp xếp vị trí lời của ca khúc: Kích hoạt lệnh viết lời, chọn dòng lời muốn dịch chuyển bằng thanh công cụ voice, đặt chuột vào vị trí mũi tên màu hồng bên trái dòng lời và kéo rê đến vị trí mong muốn.



Kết quả phân thực hành:

TIẾNG CHUÔNG VÀ NGỌN CỜ

Phạm Tuyên

Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào
Thế giới quanh em bừng sáng lên mỗi sớm bình minh

Một quả cầu đẹp tươi lung linh giữa trời sao
Bàn tay em điểm tô cho trái đất đẹp xinh

Trái đất chính là nhà bao gần bó thiết tha
Thế giới muốn hoà bình và chán ghét chiến tranh

Và bạn nhỏ gần xa đây chính gia đình của ta
Cùng hoà chung tiếng hát chúng em có chung niềm tin

Boong bính boong! Hối chuông ngân vang khắp nơi
Trong khúc ca đây tình yêu thương sáng ngời

Boong bính boong! Cờ bay giữa tiếng chuông ngân
Hãy phát cao lên lá cờ hoà bình ...cờ của ta

3) Chép hợp xướng, tổng phổ

3.1 Tạo một tập tin dạng hợp xướng

3.1.1 Tập tin mẫu

Bóng dáng một ngôi trường

Nhạc và lời : HOÀNG LÂN

Soạn bè : Minh Lê

Đã bao mùa thu khai trường

Và đã bao mùa

Đã bao mùa

Ngày khai trường lòng rộn ràng Mùa

hè chia tay

Trẻ mãi

hè chia tay

Vẫn còn trẻ mãi

ngôi trường ở chốn đây

hè chia tay bạn bè Còn mãi ngôi trường ở chốn đây

chốn đây trường tôi

Dù bay xa

Những cánh chim dù bay xa

Dù bay xa

Không xóa nhòa

Năm tháng không thể xóa nhòa

Và tình yêu ấy

Không xóa nhòa

sáng lên trong lòng chúng ta

sáng lên trong lòng chúng ta

sáng lên trong lòng chúng ta

The image displays a musical score for three systems of Vietnamese lyrics, arranged in three systems. Each system consists of three staves. The lyrics are written in Vietnamese and are repeated across the staves. The time signature is 2/4.

System 1:

- Staff 1: Hát Hát mãi tiếp bên những dòng bài sông ca
- Staff 2: Hát Hát mãi tiếp bên những dòng bài sông ca
- Staff 3: Hát Hát mãi tiếp bên những dòng bài sông ca

System 2:

- Staff 1: ấy mới mang cho theo bao kỉ tình niệm bạn Hàng Dòng
- Staff 2: ấy mới mang cho theo bao kỉ tình niệm bạn Hàng Dòng
- Staff 3: ấy mới mang cho theo bao kỉ tình niệm bạn Hàng Dòng

System 3:

- Staff 1: cây sông xanh xưa dẹt thời vào gian bức lảng tranh trôi đầy càn
- Staff 2: cây sông xanh xưa dẹt thời vào gian bức lảng tranh trôi đầy càn
- Staff 3: cây sông xanh xưa dẹt thời vào gian bức lảng tranh trôi đầy càn

The musical score consists of three systems, each with three staves. The lyrics are written in Vietnamese and are repeated across the staves.

System 1:

- Staff 1: kí ức tuổi thơ lâu, Một khúc ca sâu
- Staff 2: kí ức tuổi thơ lâu, Một khúc ca sâu
- Staff 3: kí ức tuổi thơ lâu, Một khúc ca sâu

System 2:

- Staff 1: đang trong vang vọng hồn, Làm ta xao gợi
- Staff 2: đang trong vang vọng hồn, Làm ta xao gợi
- Staff 3: đang trong vang vọng hồn, Làm ta xao gợi

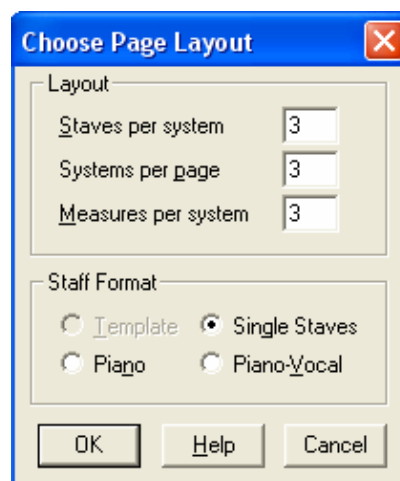
System 3:

- Staff 1: xuyên mãi nhớ bóng đến đây bây giờ, trường
- Staff 2: xuyên mãi nhớ bóng đến đây bây giờ, trường
- Staff 3: xuyên mãi nhớ bóng đến đây bây giờ, trường

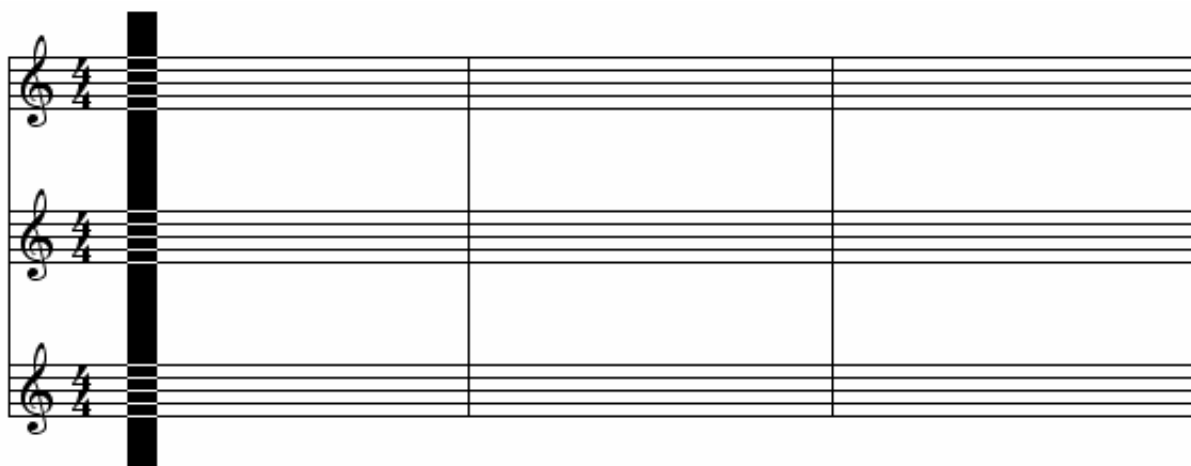
The score includes musical notation such as notes, rests, and bar lines. There are also first and second endings marked with '1.' and '2.'.

3.1.2 Tạo tập tin

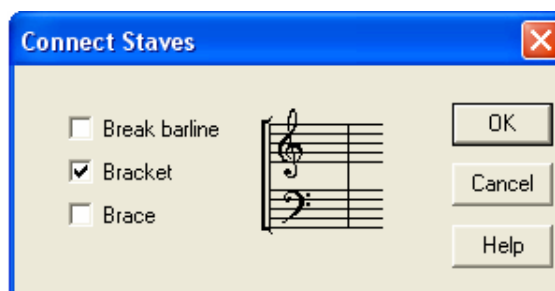
- Sử dụng lệnh Ctrl+N và xác lập các thông số như hình bên:



Chọn khối dữ liệu đầu trang:



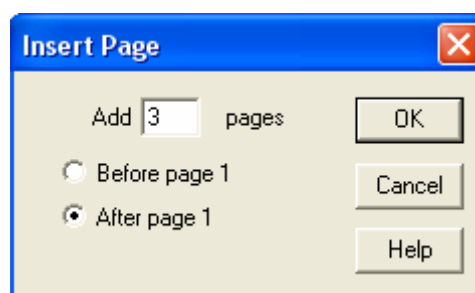
- Lệnh để thay đổi ngoặc đầu khuông nhạc: Score – Connect Staves, chọn ngoặc vuông như hình bên:



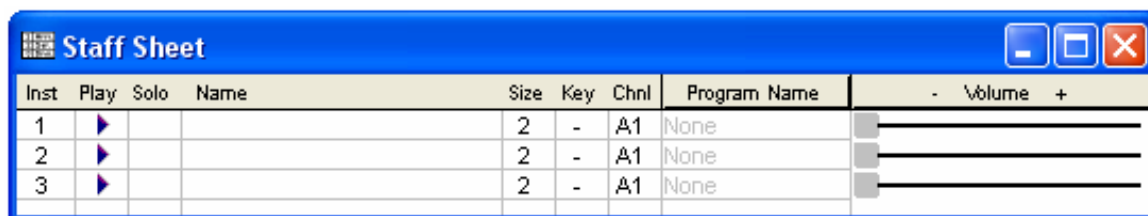
3.2 Định dạng trang

- Làm theo mục 2.2.

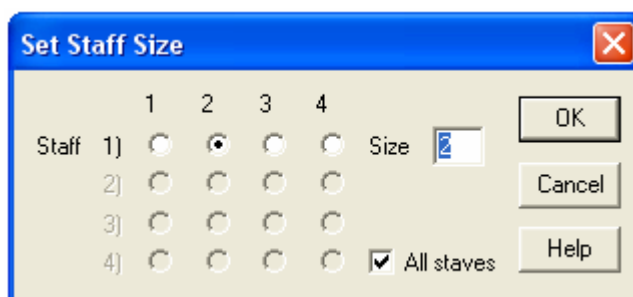
- Thêm số trang bằng lệnh Score – Add Page..., xác lập các thông số như hình bên:



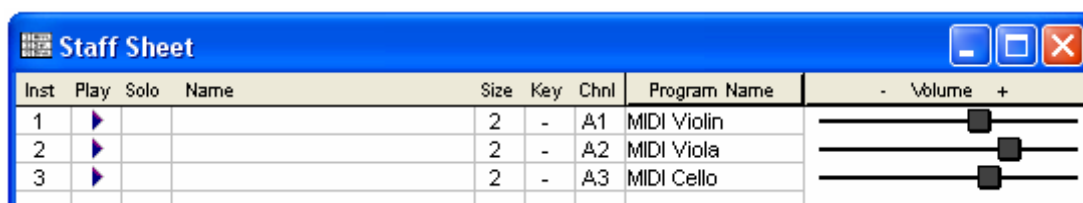
- Thay đổi độ lớn của khuôn nhạc (mở rộng vùng sử dụng của trang nhạc):
sử dụng lệnh Windows – Staff Sheet, chỉnh theo thông số sau:



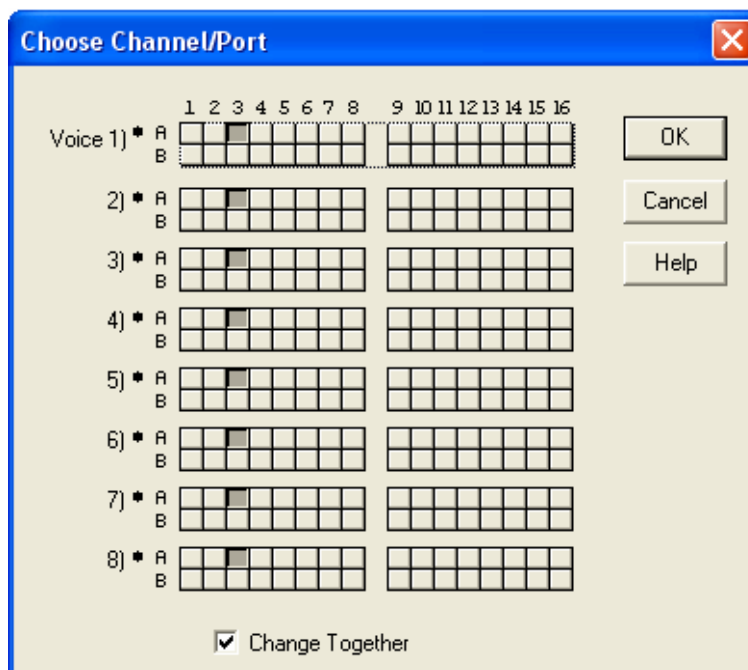
+ Nhấn vào ô Size để thay đổi theo 4 mức độ. Chọn “All staves” để thay đổi cho cả hệ thống khuông nhạc. (Không chọn “All staves”: có thể thay đổi độ lớn từng khuông nhạc trong hệ thống khuông nhạc).



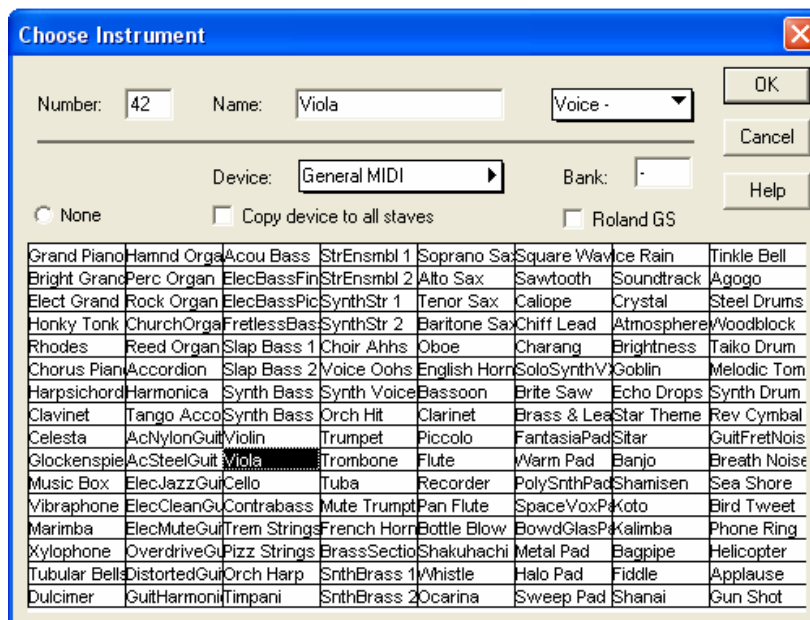
- Chọn âm sắc cho từng giọng (sử dụng lệnh Windows – Staff Sheet, chỉnh theo thông số sau):



+ Cột “Chnl”: chỉnh kênh tín hiệu MIDI cho từng khuông nhạc, bảng bên cạnh là thông số được điều chỉnh cho khuông nhạc thứ ba. Nên xác lập từng kênh khác nhau cho mỗi khuông nhạc:



+ Program Name: click chuột vào cột “Program Name”, chọn âm sắc nhạc cụ cho từng kênh tín hiệu theo bảng trong hộp thoại

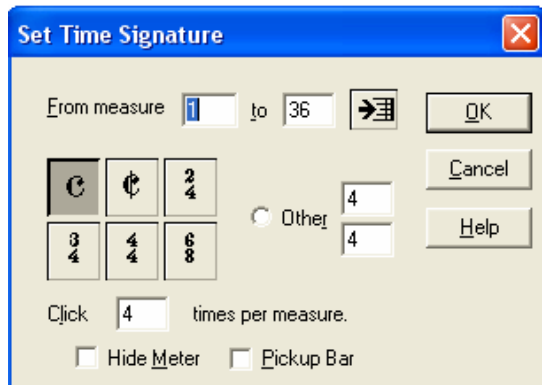


Trong mỗi kênh tín hiệu, có thể đặt âm sắc khác nhau cho từng bề nếu xác lập chi tiết ở nút nhấn Voice trong hộp thoại.

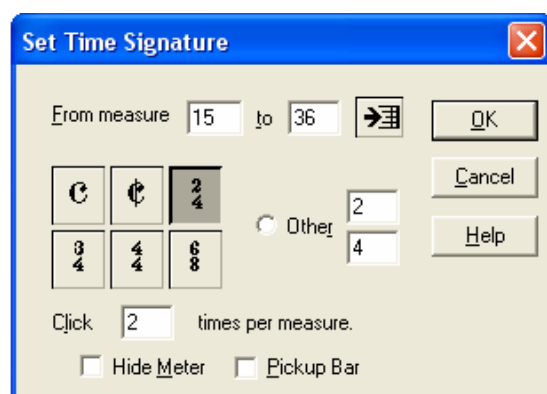
Bảng âm sắc chuẩn General MIDI:

General MIDI Patch Map			
1. Acoustic grand piano	33. Acoustic bass	65. Soprano sax	97. Ice rain
2. Bright acoustic piano	34. Electric bass fingered	66. Alto sax	98. Soundtrack
3. Electric grand piano	35. Electric bass picked	67. Tenor sax	99. Crystal
4. Honky-tonk piano	36. Fretless bass	68. Baritone sax	100. Atmosphere
5. Rhodes piano	37. Slap bass 1	69. Oboe	101. Brightness
6. Chorused piano	38. Slap bass 2	70. English horn	102. Goblin
7. Harpsichord	39. Synth bass 1	71. Bassoon	103. Echo drops
8. Clavinet	40. Synth bass 2	72. Clarinet	104. Star theme
9. Celesta	41. Violin	73. Piccolo	105. Sitar
10. Glockenspiel	42. Viola	74. Flute	106. Banjo
11. Music box	43. Cello	75. Recorder	107. Shamisen
12. Vibraphone	44. Contrabass	76. Pan flute	108. Koto
13. Marimba	45. Tremolo strings	77. Bottle blow	109. Kalimba
14. Xylophone	46. Pizzicato strings	78. Shakuhachi	110. Bag pipe
15. Tubular bells	47. Orchestral harp	79. Whistle	111. Fiddle
16. Dulcimer	48. Timpani	80. Ocarina	112. Shanai
17. Hammond organ	49. String ensemble 1	81. Square wave lead	113. Tinkle bell
18. Percussive organ	50. String ensemble 2	82. Sawtooth wave lead	114. Agogo
19. Rock organ	51. Synth strings 1	83. Caliope lead	115. Steel drums
20. Church organ	52. Synth strings 2	84. Chiff lead	116. Woodblock
21. Reed organ	53. Choir aahs	85. Charang	117. Taiko drum
22. Accordion	54. Voice oohs	86. Solo synth voice	118. Melodic tom
23. Harmonica	55. Synth voice	87. Bright saw wave lead	119. Synth drum
24. Tango accordion	56. Orchestra hit	88. Brass and lead	120. Reverse cymbal
25. Acoustic nylon guitar	57. Trumpet	89. Fantasia pad	121. Guitar fret noise
26. Acoustic steel guitar	58. Trombone	90. Warm pad	122. Breath noise
27. Electric jazz guitar	59. Tuba	91. Poly synth pad	123. Sea shore
28. Electric clean guitar	60. Muted trumpet	92. Space voices pad	124. Bird tweet
29. Electric muted guitar	61. French horn	93. Bowed glass pad	125. Telephone ring
30. Overdriven guitar	62. Brass section	94. Metal pad	126. Helicopter
31. Distortion guitar	63. Synth brass 1	95. Halo pad	127. Applause
32. Guitar harmonics	64. Synth brass 2	96. Sweep pad	128. Gun shot

3.3 Chọn số chỉ nhịp



- Sử dụng lệnh Measures – Time Signature và xác lập các thông số theo hình.



- Sử dụng lệnh Measures – Time Signature và xác lập các thông số theo hình (vì đây là bài có nhịp thay đổi tại ô nhịp số 15):

3.4 Chọn hóa biểu (tham khảo mục 2.4)

3.5 Chép phần nhạc (tham khảo mục 2.5)

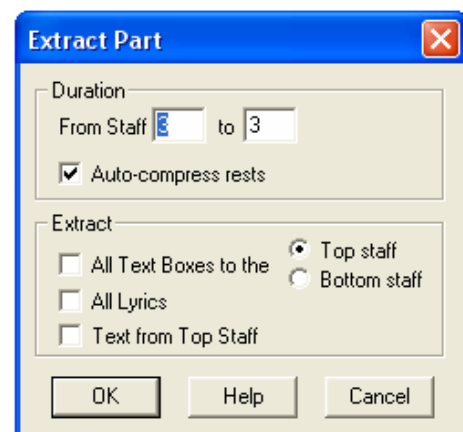
- Lưu ý cách viết nốt hoa mỹ (tham khảo mục 1.2.3).
- Lưu ý cách viết chọn theo bè (thanh công cụ voice).
- Lưu ý cách viết dấu hóa bất thường (tham khảo mục 1.2.7, thanh Palette – Notes).

3.6 Chép phần lời (tham khảo mục 2.6)

3.7 Dàn trang (tham khảo mục 2.8)

3.8 Trích tổng phổ:

- Chọn khuôn nhạc của bè muốn trích, dùng lệnh “File – Extract Part...” để trích thành phân phổ. Ví dụ: Trích bè 3 bản hợp xướng “Bóng dáng một ngôi trường” ở trên. Các thông số được chọn như hình bên và kết quả phân phổ



của bè 3 như sau:

Ngày khai trường lòng rộn ràng Mùa

hè chia tay bạn bè Còn mãi ngôi trường ở chốn đây

Dù bay xa Không xóa nhòa sáng lên trong lòng chúng ta

Hát mãi bên dòng sông ấy mang theo bao kỉ niệm
Hát tiếp những bài ca mới cho xanh tươi tình bạn

Hàng cây xanh dẹt vào bức tranh đầy kỉ ức tuổi thơ
Dòng sông xưa thời gian lắng trôi càng gần bó dài lâu

Một khúc ca đang vang vọng Làm ta xao
Càng lắng sâu trong tâm hồn Lòng ta gọi

1. xuyên nhớ đến bây giờ
mãi bóng dáng ngôi trường.

2.

4) Chép nhạc độc tấu

4.1 Tạo một tập tin dạng độc tấu (tham khảo mục 2.1 và 3.1)

- Tạo một tập tin cho độc tấu Piano: sử dụng lệnh Ctrl+N, xác lập các thông số như hình bên:

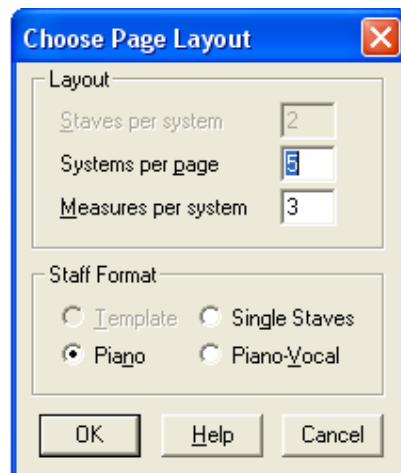
4.2 Định dạng trang (tham khảo mục 2.2 và 3.2)

4.3 Chọn số chỉ nhịp (tham khảo mục 2.3 và 3.3)

4.4 Chọn hóa biểu (tham khảo mục 2.4)

4.5 Chép phần nhạc (tham khảo mục 2.5)

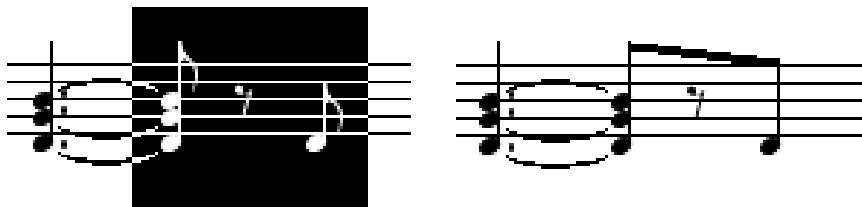
4.6 Một số thao tác cho những hình nốt phức tạp (tham khảo mục 1.2.3)



4.6.1 Nốt hoa mỹ (tham khảo mục 1.2.3, lệnh Notes – Make Grace/Cue...)

4.6.2 Dấu nối trường độ đặc biệt

Đánh khối các nốt, nhấn Ctrl+M để tạo nối trường độ qua dấu lặng:



4.6.3 Đánh dấu liên

- Liên 3, liên 5,... móc đơn: xác lập trên thanh Palette – Note những thông số sau:

+ 3:2 là trị số để tính liên ba (3 nốt nhưng giá trị tổng là 2).

+ 5:4 là trị số để tính liên năm (5 nốt nhưng giá trị tổng là 4).

+ 6:4 là trị số để tính liên sáu (6 nốt nhưng giá trị tổng là 4).

...

+ Chọn móc đơn và giá trị liên trên thanh Palette để viết nốt theo dự định.

(Cũng như vậy, người dùng có thể viết được các hình nốt theo sự phân chia tự do khác như “liên ba nốt đen”, “liên năm nốt kép”,...)



4.6.4 Dấu octave

Đôi khi trong nhạc độc tấu, các nốt quá cao hoặc quá thấp cần phải đánh dấu octave: sử dụng thanh Palette – Tool.



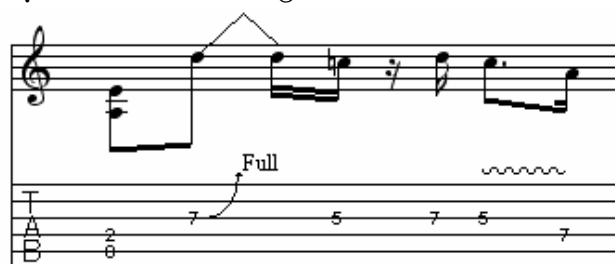
4.6.5 Sử dụng các hình nốt đặc biệt

Sử dụng lệnh Notes – Attributes – Notes. Ví dụ:



4.6.6 Cách thể hiện nốt trong khuôn nhạc dành cho đàn guitar

Sử dụng lệnh Score – Tablature Staff để thêm khuôn nhạc dành riêng cho guitar, dùng thanh Palette – Guitar để thêm các ký hiệu. Ví dụ:



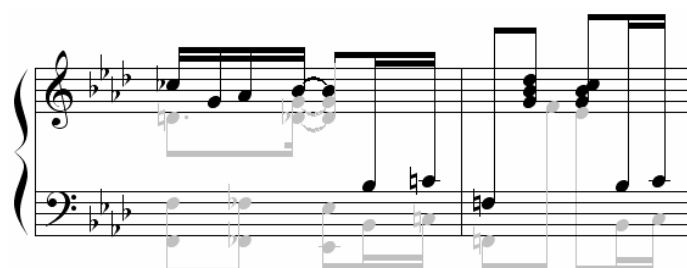
4.6.7 Đuôi nốt thể hiện bè trong độc tấu Piano

Sử dụng kết hợp tiện ích chia bè voice và lệnh Ctrl+M.

Hiển thị màn hình khi không tách bè:



Hiển thị màn hình khi tách bè:



4.7 Dàn trang (tham khảo mục 2.8)

5) Chép nhạc hòa tấu

Trang ví dụ:

Moderato ♩ = 90

Picc.

2 Fl.

2 Ob.

2 Cl.(B)

2 Fag.

Corni 1,3
(F)

Corni 2,4
(F)

2 Tr.be
(B)

3 Tr.ni
e

Tuba

Timp.

Mo

Baranung

Piatti

Arpa

V.ni I

V.ni II

V.le

Vc.

Cb.

5.1 Tạo một tập tin dạng hòa tấu (tham khảo mục 2.1, 3.1 và 4.1)

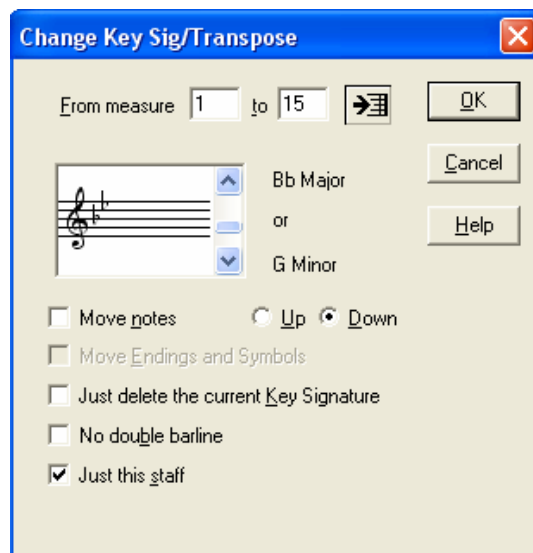
- Chọn các loại khóa ở thanh Palette – Clefs.

5.2 Định dạng trang (tham khảo mục 2.2 và 3.2)

5.3 Chọn số chỉ nhịp (tham khảo mục 2.3 và 3.3)

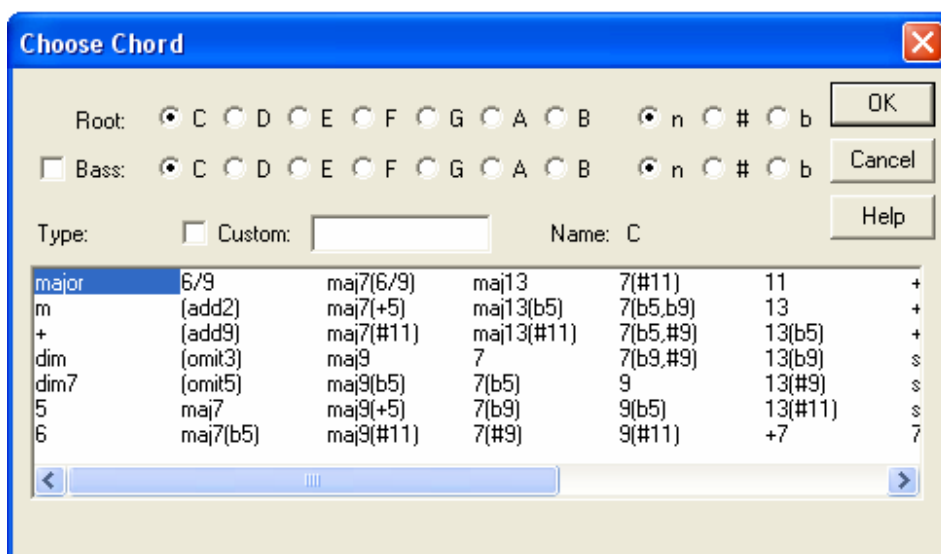
5.4 Chọn hóa biểu (tham khảo mục 2.4)

Đối với những bản nhạc phức tạp về hóa biểu như trang ví dụ trên, người dùng cần chọn “Just this staff” để thay đổi hóa biểu cho từng khuông nhạc có sự khác biệt đó:



5.5 Chép phân nhạc (tham khảo mục 2.5)

Đôi khi trong bản nhạc, người ta cần ghi ký hiệu hợp âm ở trên khuông nhạc. Sử dụng thanh Palette – Graphic, nhấn nút “C”, sau đó click chuột trên khuông nhạc, xác lập tên hợp âm trong hộp thoại:



(Ghi hợp âm kiểu guitar, nhấn nút “G” trên thanh Palette)

5.6 Một số thao tác phối khí

- Bảng Staff Sheet của tập tin được ví dụ ở trên sẽ xuất hiện như sau:

Staff Sheet							Volume	
Inst	Play	Solo	Name	Size	Key	Chnl	Program Name	
1	▶		Picc.	1	12	A1	MIDI Flute	
2	▶		2 Fl.	1	-	A1	MIDI Flute	
3	▶		2 Ob	1	-	A2	MIDI Oboe	
4	▶		2 Cl.(B)	1	-2	A4	MIDI Clarinet	
5	▶		2 Fag.	1	-	A5	MIDI Bassoon	
6	▶		Corni 1,3, (F)	1	-7	A6	MIDI French Horn	
7	▶		Corni 2,4, (F)	1	-7	A6	MIDI French Horn	
8	▶		2 Tr.be, (B)	1	-2	A7	MIDI Trumpet	
9	▶		3 Tr.ni, e	1	-	A8	MIDI Trombone	
10	▶		Tuba	1	-	A9	MIDI Tuba	
11	▶		Timp.	1	-	A11	MIDI Timpani	
12	▶		Mo	1	-	A1	None	
13	▶		Baranung	1	-	A10	None	
14	▶		Piatti	1	-	A10	None	
15	▶		Arpa	1	-	A12	MIDI Orch Harp	
16	▶		V.ni I	1	-	A13	MIDI StrEnsmbl 1	
17	▶		V.ni II	1	-	A13	MIDI StrEnsmbl 1	
18	▶		V.le	1	-	A13	MIDI StrEnsmbl 1	
19	▶		Vc.	1	-	A14	MIDI StrEnsmbl 1	
20	▶		Cb.	1	-12	A14	MIDI StrEnsmbl 1	
21	▶			1	-	A14	Gen 46	

+ Cột Play: Tùy chọn phát tín hiệu MIDI.

+ Cột Solo: Chỉ phát một khuôn nhạc.

+ Cột Name: Đặt tên cho khuôn nhạc.

+ Cột size: Độ lớn của khuôn nhạc.

+ Cột Key: Dịch giọng so với nốt được ghi.

+ Cột Chnl: Chọn kênh MIDI cho từng khuôn. (Kênh số 10 sử dụng riêng cho bộ gõ).

+ Cột Program Name: Âm sắc của mỗi loại nhạc cụ phù hợp với chuẩn General MIDI.

+ Cột Volume: Điều chỉnh âm lượng cho từng Track.

- Có thể thay đổi âm sắc, xác lập các thay đổi nguồn tín hiệu MIDI bằng cách sử dụng thanh Palette – Tool, chọn nút MIDI, sau đó click chuột trên khuôn nhạc và thay đổi các thông số trên hộp thoại.

5.7 Dàn trang (tham khảo mục 2.8)

6) Tạo tập tin MIDI từ phần mềm Encore

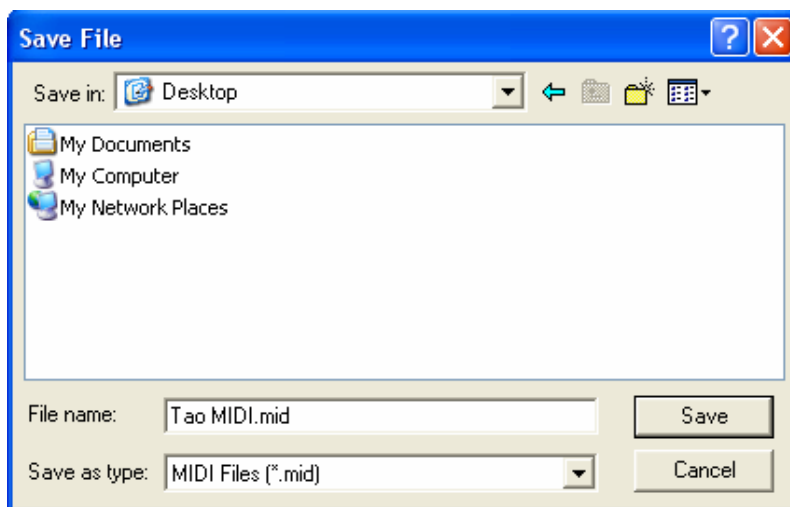
- Tạo một tập tin "*.enc" gồm 4 khuôn nhạc như sau: (Tham khảo các mục 2.1, 3.1, 4.1, 5.1)

- Dùng lệnh Windows – Staff Sheet, thiết lập các thông số trong hộp thoại:

Inst	Play	Solo	Name	Size	Key	Chnl	Program Name	Volume
1			Melody	3	-	A1	MIDI Rock Organ	
2			Chord	3	-	A2	MIDI AcSteelGuit	
3			Bass	3	-	A3	MIDI ElecBassFing	
4			Drum	3	-	A10	None	

- Lưu tập tin dưới dạng ".enc": Dùng lệnh File – Save As, xác lập các thông số như hình bên:

- Lưu tập tin dưới dạng “.mid”: Dùng lệnh File – Save As, xác lập các thông số như hình bên:



Các loại đàn Electric Keyboard thông dụng hiện nay đều có thể đọc được định dạng tập tin này.

7) Soạn đề thi với văn bản âm nhạc

7.1 Một số vấn đề đặt ra khi soạn đề thi âm nhạc trên máy tính

Hầu hết các phần mềm soạn thảo văn bản hiện nay không có chức năng viết nốt nhạc. Ngược lại, những phần mềm soạn thảo văn bản âm nhạc lại hạn chế về chức năng để xử lý những câu chữ, đoạn văn theo yêu cầu trình bày phức tạp.

7.2 Một số giải pháp khắc phục

7.2.1 Giải pháp soạn đề thi trên phần mềm Encore

- Sử dụng nút “T” trên thanh Palette – Graphic tạo “text box” để nhập phần chữ của đề thi. Cũng trên thanh này, người sử dụng có thể đóng khung hoặc gạch dưới phần chữ nhờ vào các công cụ của nó.

- Đưa trỏ chuột đến góc trên của khuông nhạc để điều chỉnh vị trí của chúng trong đề thi.

- Sử dụng lệnh View – Hide Staves để ẩn đi những khuông nhạc không cần hiển thị.

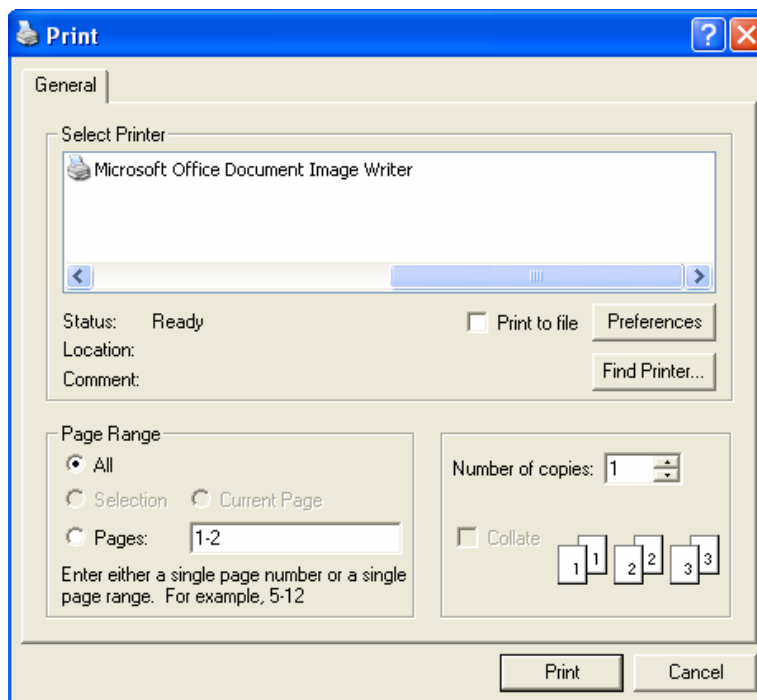
- Ưu điểm của giải pháp này là bản in phần nốt nhạc rất sắc nét và rõ ràng. Tuy nhiên có nhiều hạn chế trong việc sử dụng các bảng biểu và hình ảnh.

7.2.2 Giải pháp soạn đề thi kết hợp giữa phần mềm Microsoft Word và Encore

Bước 1: Chép phần nhạc của đề thi bằng chương trình Encore.

Bước 2: Xuất bản nhạc ra thành tập tin ảnh.

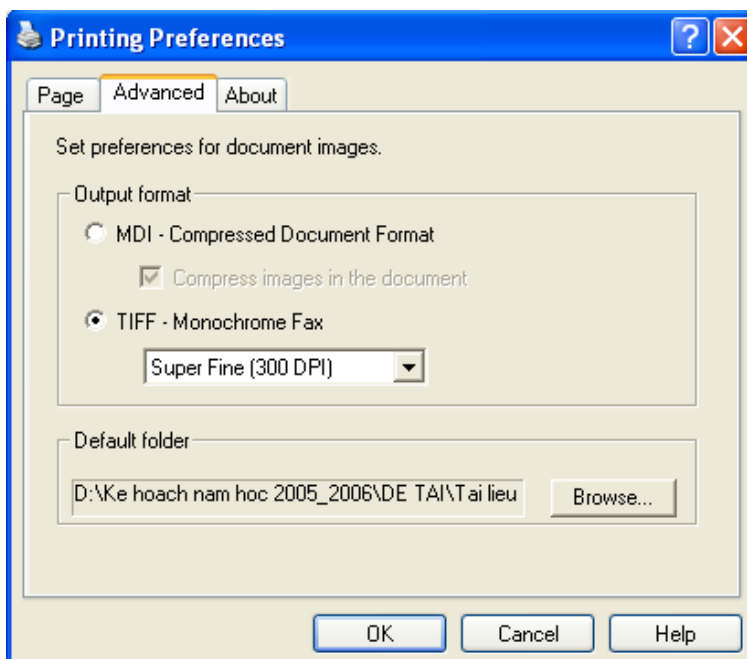
+ Dùng lệnh File –
Print...: Chọn máy in ảo
“Microsoft Office
Document Image Writer”
đã được cài mặc định trong
bộ Microsoft Office 2003.



Click nút Preferences,
xác lập các thông số ở thẻ
Advanced như hình bên:

Click “Browse” để chọn
nơi cất giữ tập tin.

Chương trình sẽ tạo ra
tập tin ảnh với định dạng
“.tiff” tương thích với
chương trình Microsoft
Word.

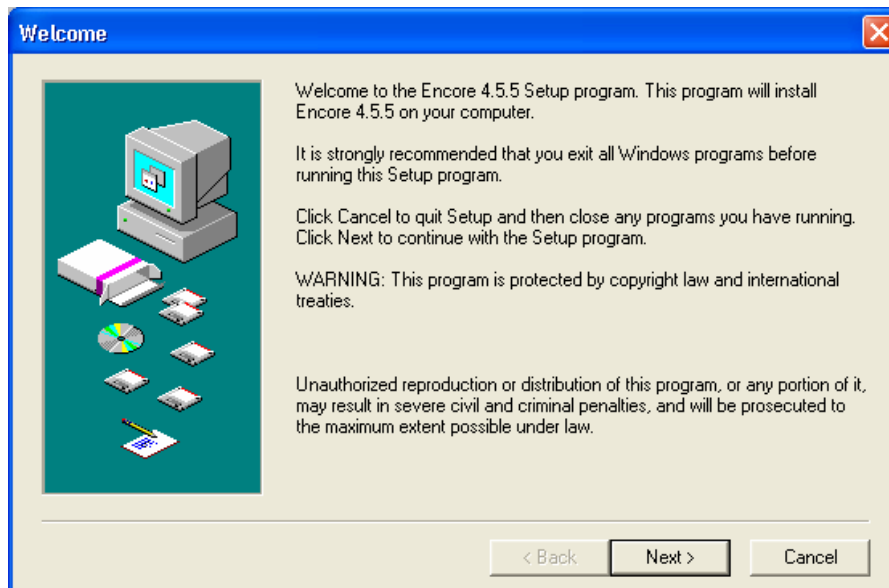


Bước 3: Chèn vào chương trình Microsoft Word bằng lệnh “Insert – Picture – From Files...”.

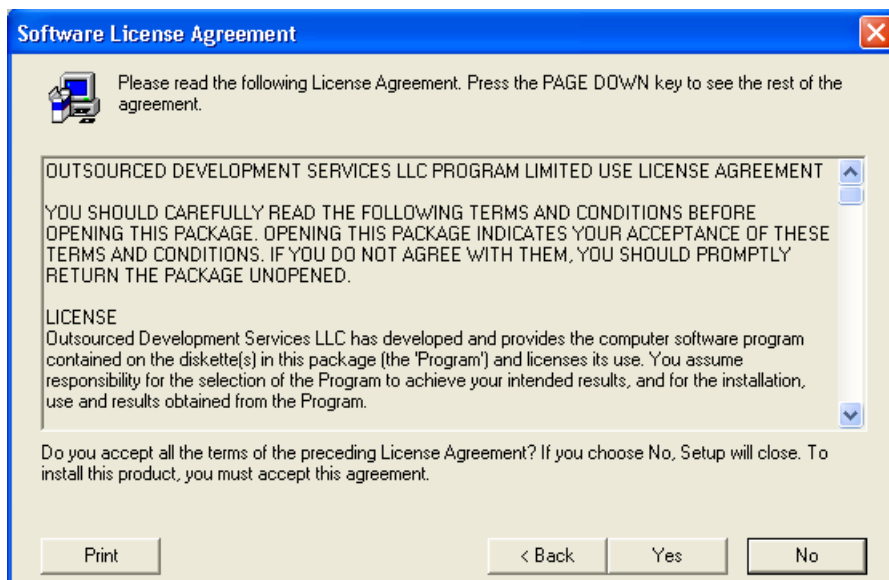
HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT PHẦN MỀM ENCORE 4

1. Cài đặt cơ bản:

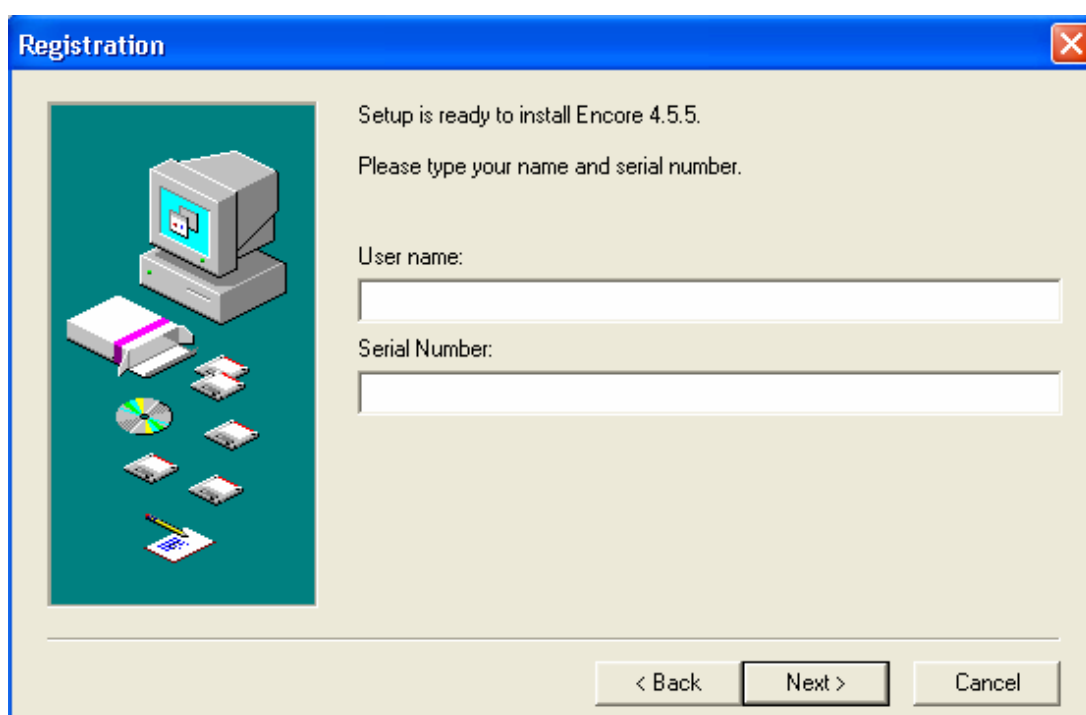
File cài đặt của chương trình Encore 4.5.5 với dung lượng khoảng 14MB, màn hình đầu tiên khi cài đặt sẽ xuất hiện như sau:



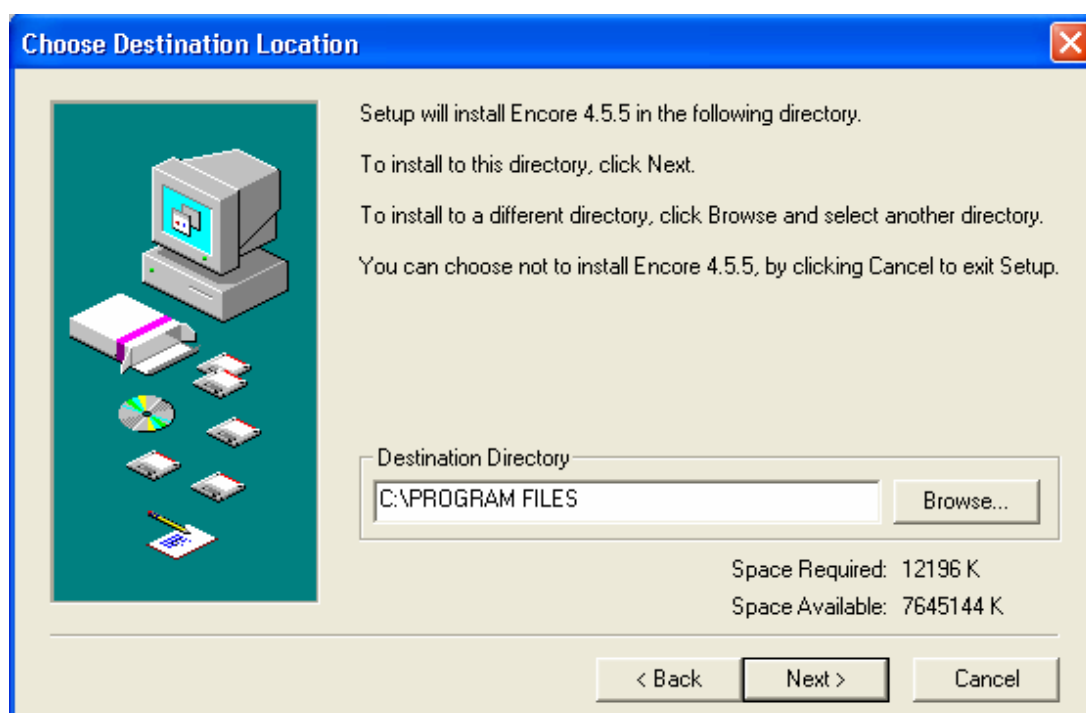
- Click Next để tiếp tục cài đặt:



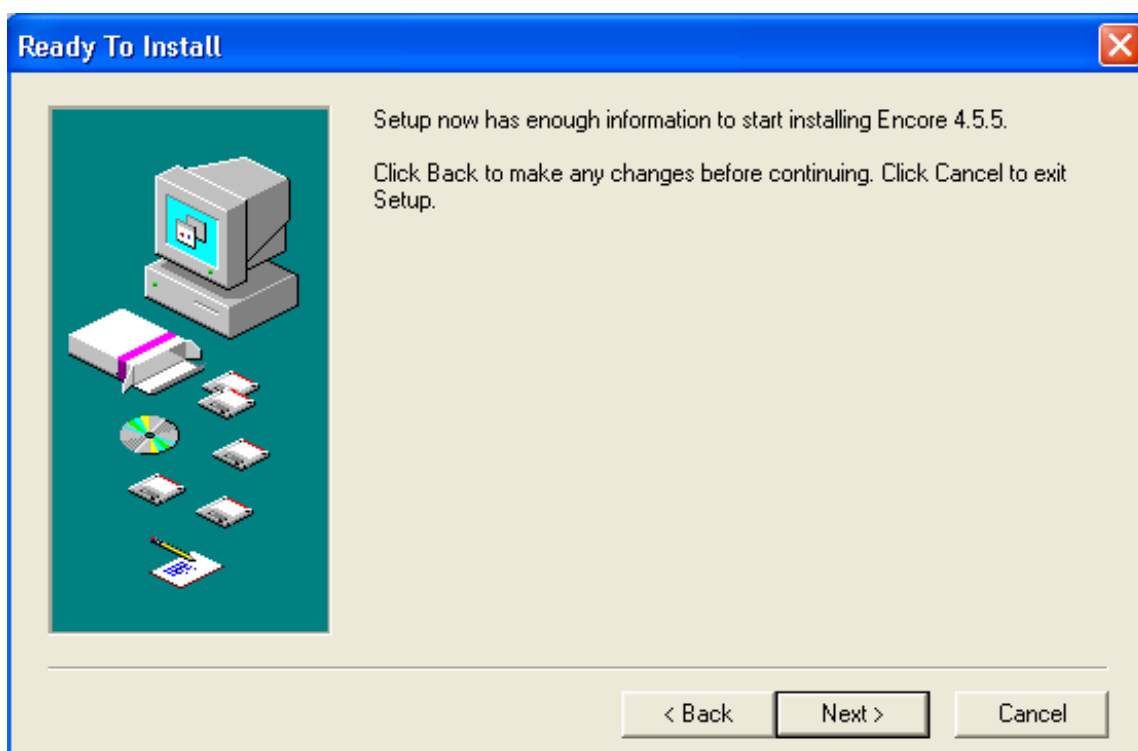
- Click Yes để đồng ý cài đặt:



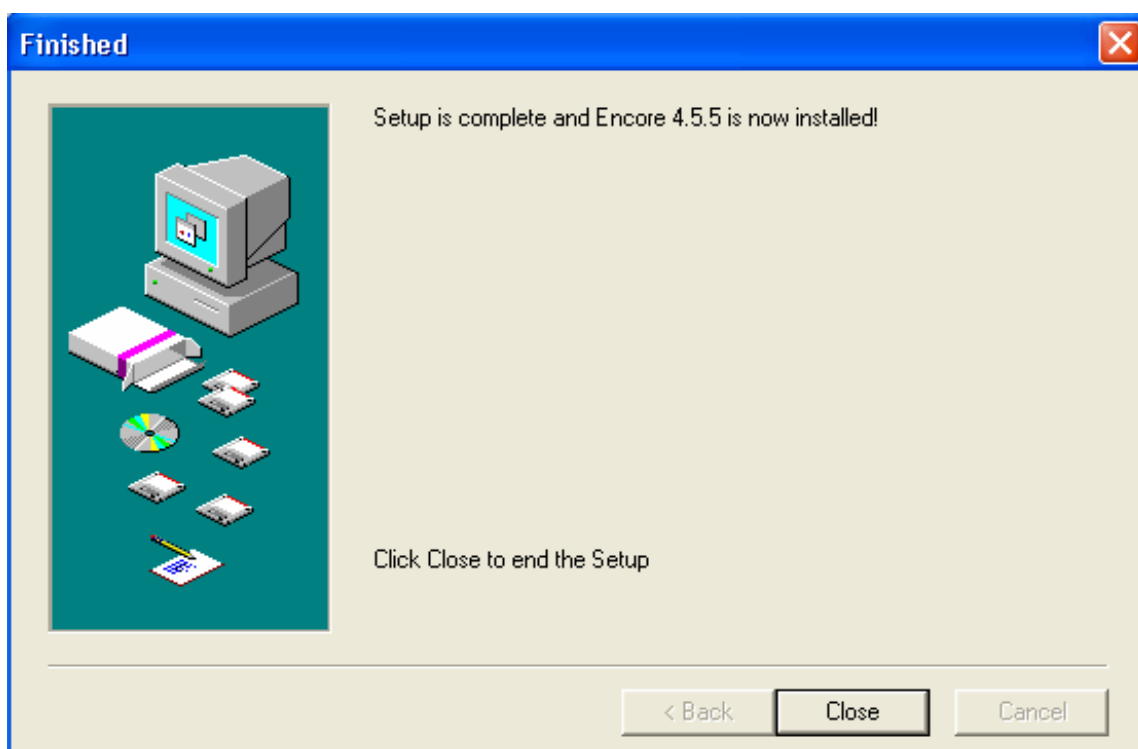
- Gõ tên và số Serial Number do nhà sản xuất cung cấp khi đăng ký sử dụng.



- Chọn thư mục chứa các files sẽ được đưa vào hệ thống, click Next để tiếp tục cài đặt:

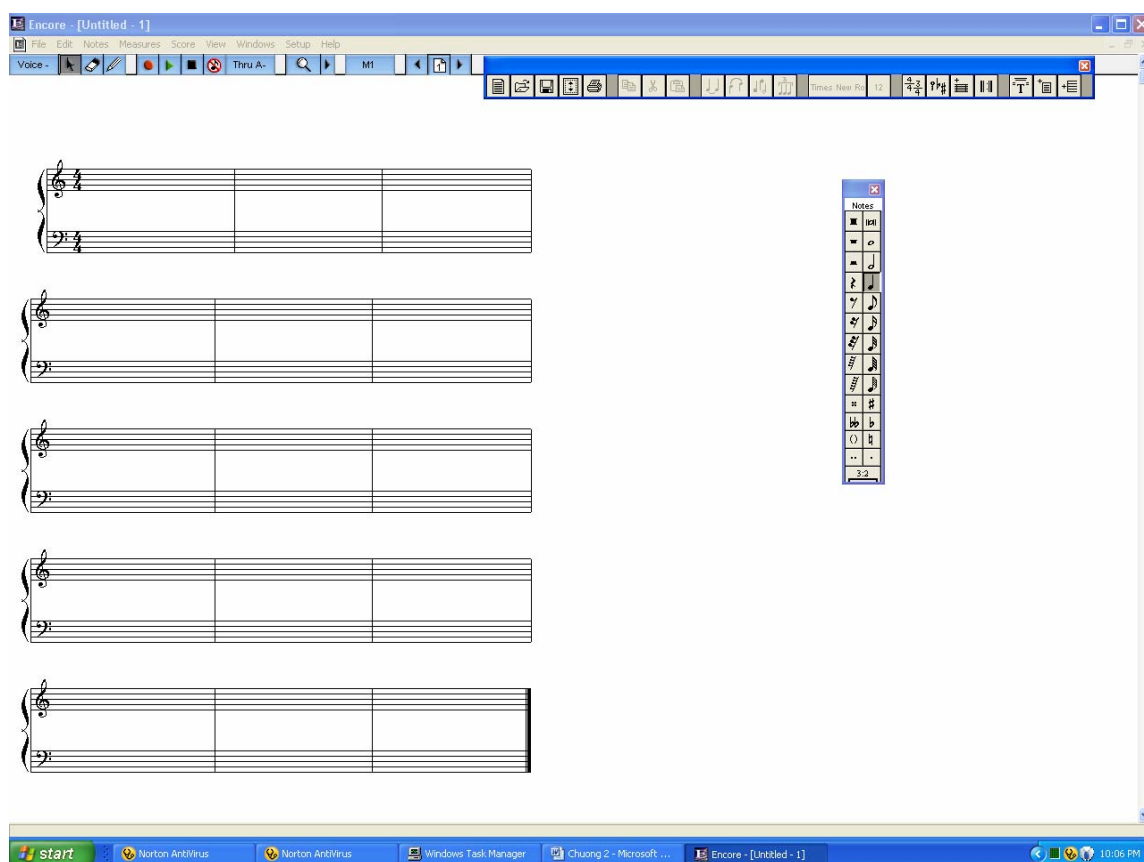


- Các thông số đã sẵn sàng, click Next để tiếp tục cài đặt:



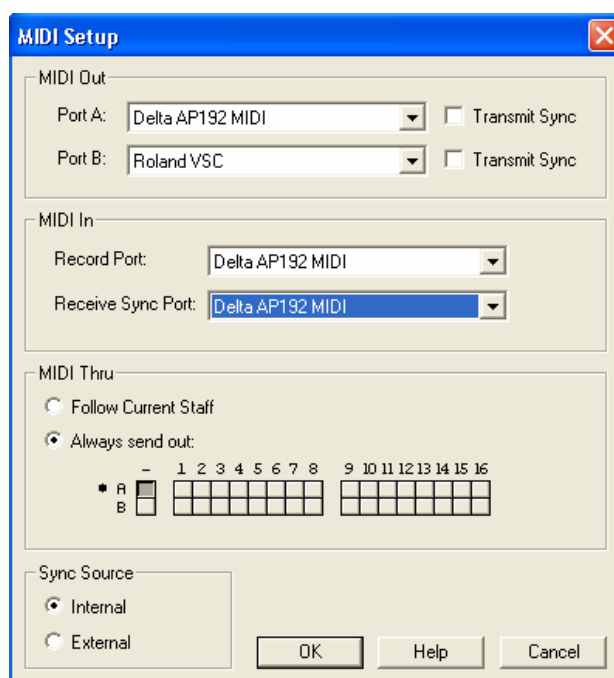
- Chương trình đã cài đặt thành công, click Close để hoàn tất quá trình cài đặt.

- Khởi động chương trình: Click Start – All Programs – Encore 4.5.5 – Encore. Giao diện chính sẽ xuất hiện như sau:



2. Thiết lập các thông số cần thiết:

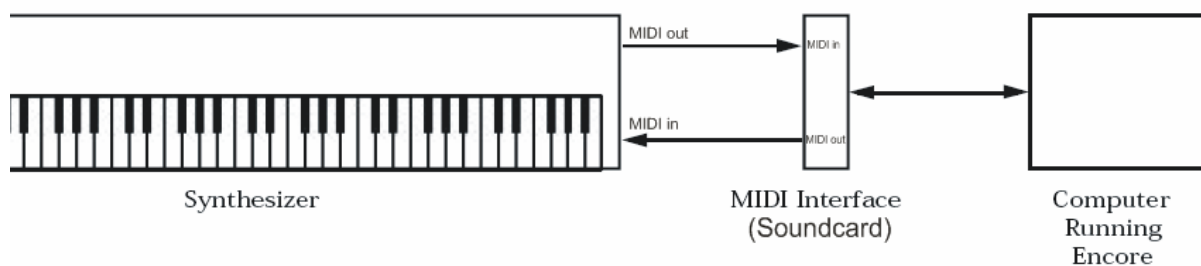
Chương trình Encore đòi hỏi một “MIDI driver” (trình điều khiển MIDI) để giao tiếp với các thiết bị MIDI. Sau khi cài đặt và khởi động chương trình, người dùng nên thiết lập các thông số quan trọng nhất để sử dụng. Mở lệnh: Setup – MIDI setup, màn hình sẽ xuất hiện hộp thoại như hình bên:



+ MIDI Out: chọn thiết bị để gửi tín hiệu MIDI.

+ MIDI In: chọn thiết bị để nhập tín hiệu MIDI.

Tùy theo cấu hình máy tính (trong đó có bộ phận rất quan trọng là soundcard) mà người dùng sẽ chọn những thiết bị để kết nối cho phù hợp. Ở hình trên, máy tính có soundcard nhãn hiệu là Delta AP192, các thiết bị MIDI sẽ được nối bằng dây vào cổng của soundcard này theo sơ đồ như sau:



+ Cổng MIDI out của soundcard nối với cổng MIDI in của thiết bị MIDI.

+ Cổng MIDI in của soundcard nối với cổng MIDI out của thiết bị MIDI.